Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Dư (II)

Tiểu sử
Hiện đang sinh sống tại Lyon, Pháp.

..

Tác phẩm
Tôi học tiếng Việt – Vì sao tôi dốt môn Vạn Vật - 5
Tôi đi học…bên Pháp - Một lần đón Tết

Mục Lục

Tôi học tiếng Việt – 2
Vì sao tôi dốt môn Vạn Vật - 5
Tôi đi học…bên Pháp - 7
Một lần đón Tết - 10

Phụ đính:

36 Câu nói của người xưa - Tranh Tết *Hứng dừa*
Nói có sách, mách có chứng - Thời gian và cái đồng hồ

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter

Tôi học chữ Việt

Học chữ Tây

Bạn bè của tôi ơi ! Các bạn có còn nhớ mấy kỉ niệm " chữ nghĩa " năm xưa không ? Ôi ! Cái thời *lạy cô đi qua, lạy thầy đi lại*. Có đứa độc miệng khấn thêm *Đi mau mau cho bọn con nhờ*. Quên làm sao được cái thời ấy nhỉ ?

Năm chúng tôi... Thôi, không dám chơi trèo, *thấy người sang bắt quàng làm họ*, người ta chửi cho thì khốn. Mình làm, mình chịu, đừng vơ thêm, lôi thêm người khác vào. Vậy, xin khiêm tốn sửa lại rằng... Năm tôi học lớp ba trường tiểu học Quang Trung (Hà Nội, 1952), có một lần cả lớp viết sai chính tả từ *giặt gya.* Sai đủ kiểu. Nhiều đứa viết là *giặt dịa*. Có đứa viết *giặt gịa*. Hai ba đứa viết *giặt gịa*. Thầy bảo phải viết là *giặt gya*. Cả lớp chả hiểu tại sao lại viết như vậy. Ngày sau sẽ hiểu. Hôm nay thầy dạy như vậy thì cứ biết như vậy.

Mãi sau này mới được thấy từ *giặt gya* (Laver ses habits, giặt quần áo) trong tự điển của Génibrel (1898). Thấy cả vua *Gyalong* (Gia Long) trong báo *L'Illustration* (1857). Lật *Từ điển tiếng Việt* (1988) của Hoàng Phê ra xem thì thấy viết là *giặt gịa*.

Từ đơn *gịa* không có trong từ điển của Hoàng Phê. *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của (1895) định nghĩa *gịa* là đồ đong lúa, tức là từ *giạ* của Hoàng Phê.

Hôm ấy có đứa hỏi vặn thầy tại sao không viết là *giặt dịa*? Thầy bảo không được vì *giặt gya* là từ kép, dê dưới (*g*) phải đi với dê dưới. May cho thầy. Cả lớp không có đứa nào biết trường hợp dê dưới đi với dê trên (d) của *giản dị* để đưa ra " ăn thua " với thầy.

Muốn cho *gya* giống *gịa* thì chỉ việc thay một chữ, đặt cái dấu vào đúng vị trí. Có vậy thôi mà cũng không biết ! Không biết thì cứ *giặt giũ* cũng được. Dù sao thì *giặt gya* (Génibrel) hay *giặt gịa* (Hoàng Phê) cũng là một trường hợp... hơi phức tạp. Còn nhiều trường hợp khác giản dị hơn nhiều nhưng cũng đủ để làm cho trẻ con... bực mình !

Năm tôi học lớp nhất trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây (Thị Nghè, 1954) gặp mấy chuyện nửa cười nửa mếu. Người lớn gọi là chuyện... ngôn ngữ bất đồng. Này, này, coi chừng vạ miệng bây giờ! Tiếng Việt thuần nhất. Không có chuyện ngôn ngữ bất đồng giữa người Việt với người Việt. Những kẻ có ý xấu muốn kì thị, chia rẽ thì... Chết ! Chết ! *Cái sảy nảy cái ung* thì... bỏ mẹ cả đám. Xin sửa lại. Đây chỉ là chuyện... phát âm không giống nhau thôi. Nói như thế được chưa ạ? Được, chúng ta không nên chuyện gì cũng... *bé xé ra to* !

Xin phép được lau mồ hôi hột. Và xin bắt đầu lại câu chuyện. Năm tôi học lớp nhất trường tiểu học Thạnh Mỹ Tây (Thị Nghè), mỗi tuần phải viết một bài chánh tả. Viết xong, cả lớp đổi tập cho nhau. Cô giáo đọc lại, giảng nghĩa, chỉ cách viết các chữ khó. Cả lớp dò theo, sửa lỗi cho nhau. Bạn bè đứa nào cũng khoái bắt lỗi thằng ngồi bên cạnh. Đứa nào cũng chăm chú sửa cho bạn, không bỏ sót một cái dấu phết. Sửa bài như vậy vừa nhanh, vừa kĩ, lại vừa đỡ mệt cho cô. Có lần tôi bị một lỗi vì... một cái lá. Phải nói ngay là không phải cái lá nho úp úp mở mở hay cái lá đa lấp ló lem nhem, mà đây chỉ là cái lá chuối... " nỏn ". Cô giáo nhấn mạnh chữ " nỏn " dấu hỏi. Tôi giơ tay xin nói. Cô hất hàm cho phép. " Thưa cô, nõn dấu ngã chớ không phải dấu hỏi ". Cô giáo lắc đầu : " Dấu hỏi chớ không phải... dấu ngả ". " Dạ, nõn dấu ngã ". " Cãi bậy ". Cô đập thước kẻ xuống bàn : " Lên đây coi ". Tôi bất đắc dĩ phải lên chỗ cô đứng. Cô cầm thước chỉ vào trang sách. " Sách viết dấu hỏi nè, thấy chưa ? ". Tôi bắt đầu run. " Dạ thấy ". Trong bụng muốn nói thêm " Thấy cả mẹ em rồi, cô ơi ". *Nói có sách, mách có chứng* đàng hoàng, đâu phải chuyện giỡn. Cô có lí trăm phần trăm. Cãi nữa thì ăn đòn. Em chịu thua cô.

Mấy năm sau mới được học câu *Tận tín thư bất như vô thư* (Đọc sách mà quá tin sách chẳng bằng không đọc sách). Thấm thía nhưng hơi muộn. Chỉ tiếc cho cái lá chuối " nỏn ", già héo mất rồi.

Hôm ấy, tôi sốt ruột chờ giờ tan học. Thơ thẩn dạo một vòng sở thú, rồi mới về nhà. Dọc đường, khám phá ra một điều thú vị. Lang thang sở thú sướng hơn ngồi trong lớp học. Đến tối vẫn còn ấm ức. Tức hộc máu vì cái lá chuối " nỏn "... May mà chưa bị hộc máu thật. Thôi mà. Bỗng sực nhớ hình như có lần mẹ khuyên *Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy*. Còn đi học thì phải mặc áo gì đây, mẹ ? Mặc sơ mi trắng mau bẩn lắm. Chẳng lẽ ngồi yên chịu trận sao? Ngu vừa vừa thôi chớ ! Thua quỷ thua ma chứ ai lại thua cả cái " vớ vẩn " kia ? Đã vậy thì... Đi với chánh tả của cô thì mày phải mặc áo... bi- da-ma giáo. A ha ! Cái gì mới khó chứ ma giáo thì... dễ ợt cô à. Qua mặt cô cái vèo, khỏi cần bấm còi. Sách không phân biệt hỏi ngã thì mình phải làm cho hỏi ngã... giống nhau. Chu choa, xin lãnh hội những lời vàng ngọc của quới nhơn. Hỏi chỉ khác ngã cái đuôi vểnh cong. Dạ, đúng vậy. Vậy ta chỉ việc phe phẩy thêm một cái đuôi be bé xinh xinh vào dấu hỏi là xong. Hình dạng hỏi hay ngã sẽ giống nhau như... chị em con Ngọc sinh đôi ở cuối xóm. Xin bái lạy quới nhơn. Nhưng chưa xong ! Thông thường thì dấu hỏi phải viết thẳng đứng, dấu ngã viết nằm ngang. Đó là cách viết chân phương. Nôm na gọi là viết rõ ràng. Lối viết của những kẻ không theo tôn chỉ của ma giáo. Muốn theo ta thì từ nay phải viết... mập mờ. Không thẳng, không ngang, mà phải... lửng lơ con cá lóc. Chênh chếch như ánh trăng... một đêm trong rừng vắng ! (Ta lạc đề. Thèm sơn nữ quá). Viết nghiêng chênh chếch thế nào để kết quả chắc ăn một trăm phần trăm? Nhà địa lí gọi là nghiêng theo hướng tây bắc, đông nam. Nhà toán học gọi là nghiêng 45 độ âm. Nhà quê gọi là nghiêng từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. Đố cô giáo của con hay bất cứ ai phân biệt được hai cái dấu. Lá nõn hay lá nỏn ai muốn đọc thế nào cũng được. Xin đa tạ quới nhơn. Xin khất quới nhơn một li nước đá nhận. Ta thấy con bị nạn thì giúp, ta không nhận thù lao. Chết cha ! Chó chê chè ! Ngài không thèm ăn thật hay ngài chê chẳng bõ dính răng ? Quới nhơn hay là quái nhơn đây ?

Cho đến hết năm học tôi không còn bị hai cái dấu hỏi, dấu ngã ám ảnh.

Nhưng cái số con rệp vẫn còn bị sao quả tạ chiếu. Một hôm cô bắt viết bài tả một đám đánh nhau đến... mẻ đầu " sức " trán. Trúng tủ ! Biết rồi, khổ lắm, viết mãi. Mẻ sứt này thì cũng như *Chớ cười những người đui què mẻ sứt* của thời mặc quần... soọc. Tôi tự tin viết " sứt " trán. Một lỗi ! Lại gân cổ lên cãi. " Thưa cô, sứt mẻ là chữ t. Sức mạnh mới là chữ c ". Cô giáo liền giở bửu bối *Nói có sách, mách có chứng* để bịt họng đứa con nít. Một lần nữa tôi bị mắng là vừa bướng vừa không chịu nghe lời cô giáo trong lớp. Mấy thằng trời đánh thánh vật lại được một phen cười hô hố. Khoe đủ mấy cái răng... *sứt* ! Một lỗi là một lỗi, không tha thứ được. Tình thầy trò bắt đầu *sứt* mẻ. *Sức* mấy mà hàn gắn lại được.

Lần này quới nhơn của tôi cũng khoanh tay chịu thua. Cô mày võ nghệ cao quá. Ta không địch lại được. Hoàn toàn bế tắc. Không có mẹo nào để làm cho c cũng như t được.

Cũng may. Những ngày nửa cười nửa mếu rồi cũng qua mau. Đến kì thi tiểu học tôi tự nguyện " hoàn lương ". Ngậm ngùi từ giã ma giáo. Vì tin rằng người chấm bài sẽ không dựa vào mấy trang sách " mắc dịch " để hại đám tuổi trẻ mà tài cãi lí lại chưa cao. Tôi nhẹ nhõm trở về với dấu hỏi thẳng đứng, dấu ngã nằm ngang.

Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học thừa nhận rằng phát âm của người miền Bắc phân biệt hỏi ngã, chữ cuối là c hay t, có g hay không có g, nhưng lại mắc phải mấy khuyết tật khác. Người miền Bắc uốn lưỡi không khéo như người miền Nam. Không phân biệt s với x, ch với tr, d với r... Thầy nào dùng sách do *dáo (giáo) học Ngô Đê Mân chích (trích) lục*, cho học trò viết chính tả bài *Xự (sự) tích hai chị em, bà Chưng Chắc (Trưng Trắc), bà Chưng Nhị (Trưng Nhị)*

(Edmond Nordemann, *Quảng tập viêm văn (Chrestomathie Annamite, 1898),* Hội Nhà Văn, 2006, tr 50-52) thì chắc chắn chẳng có trò nào thoát được con số không to tướng.

Đặc điểm của tiếng Việt là có năm cái dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Muốn doạ người nước ngoài chỉ cần đưa ra mấy câu thần chú : ma, má, mà, mả, mã, mạ. Ba, bá, bà, bả, bã, bạ. Mỗi chữ một nghĩa khác nhau. Cao siêu hơn thì đưa ra hình ảnh :

Dưới hiên hiển hiện người hiền
Sắc, không, ngã, nghiệp, pháp huyền hỏi ai ?

Năm cái dấu sắc sảo, nặng nề, huyền bí... Con trẻ học hỏi vất vả, dễ ngã lòng. Đôi khi người lớn cũng bối rối cười trừ.

Một vài hội đoàn Việt kiều bên Pháp, bên Mĩ kêu gọi bà con đóng tiền cho... thủ *quỷ*. Cho *quỷ* giữ *quỹ*, vì thế mà nhiều người e ngại đóng góp. Bộ *sử* nổi tiếng của Trần Trọng Kim được in lại bên Mĩ với tựa đề mới *Việt Nam sữ lược* (Miền Nam). Dường như từ *sữ* chưa có trong các từ điển tiếng Việt. Trong nước xuất bản *Quốc triều chỉnh biên toát yếu* (Thuận Hoá, 1998). Kẻ nào to gan muốn *chỉnh* cả *chính* sử của nhà Nguyễn?

Chưa hết. Đôi lúc còn phải chọn chữ i ngắn (i) hay i dài (y). Ngày xưa, Huình - Tịnh Paulus Của viết : *Nguít* (ngó có nửa con mắt, không muốn ngó). *Huinh* đệ. *Huiên* đường. Ngày nay mấy từ này được viết là *nguýt, huynh, huyên*. I được thay bằng y. Ngược lại, *ym* (mát mẻ, tư nhuận) được viết là *im*. Y nhường chỗ cho i. Mọi người vui vẻ chấp nhận mấy thay đổi này.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trường hợp khó thay đổi. Người này khư khư giữ chữ i. Thưa *quí* vị, ngân *quĩ* cúng ma *quỉ* còn tiền, khỏi phải *quịt* bọn hàng mã... Người khác lại khăng khăng đòi chữ y. Dài mới đẹp. Bồng bềnh, uyển chuyển, thướt tha. (Lại lạc đề). Thế là khắp nơi nổi lên một loạt nào là ca sỹ, văn sỹ, bác sỹ, thạc sỹ, tiến sỹ, sỹ quan... Ngày xưa dân ta chỉ biết *Nhất sĩ nhì nông*. Ngày nay *sỹ bẹ* bán *sỷ*. Mặt mày *bý xẹ*.

Cứ theo trường phái ba phải là chắc ăn nhất. Có nhà báo đưa tin : Thượng nghị *sĩ* McCain thăm viếng Việt Nam... Các quan chức của ta đánh giá cao cuộc thăm viếng của thượng nghị *sỹ* McCain. Trường *kĩ* thuật " chất lượng cao " kia tự hào đào tạo được nhiều *kỹ* sư xuất sắc.

Bên cạnh chuyện i ngắn i dài, lại còn chuyện phải đánh dấu cho đúng chỗ. Cần gì đúng! Miễn sao trông cho cân đối là được. Cứ đánh vào giữa là xong. (*Đóa* hoa, *lõa* lồ...).

Dài ngắn, trước sau, loạn xà ngầu. Mặc kệ quy định và quyết định của bộ Giáo Dục. Bất chấp *Từ điển chính tả tiếng Việt* (Hoàng Phê, Giáo Dục, 1985), *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học, Khoa Học Xã Hội, 1988).

Trong chuyến du lịch Tam Đảo tôi nghe lỏm được tại một khách sạn.
- Em làm giấy tờ cho anh để về thanh toán với cơ quan.
- Dạ vâng. Thế tên anh " nà " gì nào ?
- Lê Đức Linh
- Nê Đức Ninh.
- Anh tên là Linh. Không phải Ninh.
- Ninh... Ninh... Thế tên anh viết bằng " nờ " dài hay " nờ " ngắn ạ ?
- Cái nhà cô này thật là ỡm ờ. " Nờ " của anh dài. Vừa ý chưa ?
Cô gái cười giòn tan :
- " Nờ " dài. Tí nữa thì em cắt cụt.
- Tưởng là chỉ có dê trên (d), dê dưới (g), i dài (y), i ngắn (i), bây giờ lại có cả " nờ " dài (l), nờ ngắn (n). Còn em, tên là gì ? Có trên dưới, ngắn dài gì không ?
- Dạ, em " nà " Xuân.

- Tên hay nhỉ, nhưng phải sờ mạnh (s) hay sờ nhẹ (x) Xuân mới chịu ?
Cô Xuân đỏ mặt, cười duyên :

- Nhè nhẹ thôi anh.

Vì sao tôi dốt môn Vạn Vật

(tặng các bạn Trần Lục 1955-1958)

Hỡi các cậu bé con
Trong lúc tuổi còn non
Các cậu phải chăm học
Có học mới nên khôn.

Thiếu gì đứa khôn sặc tiết mà chả cần cắp sách đến trường. Thiếu gì người học suốt đời mà vẫn cứ dại. Khôn hay dại hạ hồi phân giải. Trong khi chờ đợi, thiên hạ cứ nhắm mắt cho rằng tuổi học trò là đẹp. Có lẽ chỉ có tôi mới có mấy cái kỉ niệm chán mớ đời...
Nửa thế kỉ sau mà vẫn còn nhớ rõ cái giai thoại... Truyện thối như thế mà gọi là giai thoại à ? Vâng, truyện chả ra gì nhưng... đáng đồng tiền bát gạo. Mang ra kể chơi.

Năm ấy tôi học đệ lục Trần Lục (niên khoá 1956-57).
Sắp hết giờ Vạn Vật, thầy... thầy gì nhỉ ? Chịu, không nhớ tên thầy là gì. Thầy tìm một trò tình nguyện nhận vẽ mấy cái tế bào, hoa lá, sửa soạn cho bài Thực Vật tuần sau.
Không có đứa nào giơ tay nhận lĩnh cái công việc chán như cơm nếp nát này. Chính thầy cũng còn muốn đùn cho học trò cơ mà.
Bỗng có " thằng mất dạy " nào nói to :
- Thưa thầy có thằng Dư tình nguyện.
- Dư đâu, lên đây!
- Dạ, nó nói đùa. Con không biết vẽ.
- Nói láo. Lên đây.
- Thưa thầy, con còn nhiều bài chưa làm, chưa học.
Thầy lầm lì, không nài thêm. Tôi thở phào, thoát nạn. Cả lớp lại tiếp tục đùa giỡn.
Bỗng có tiếng quát :
- Dư, 2 giờ công xin (consigne).
Tôi giật nẩy mình, ngơ ngác không biết mình bị phạt vì tội gì ?
- Tội ném giấy.
- Thưa thầy chúng nó ném con chứ không phải con ném chúng nó.
- Tha cho lần này! Liệu hồn đấy !
Một lát sau lại...
- Dư, 2 giờ công xin, lần này không tha.
- Thưa thầy con bị tội gì ạ ?
- Tội...sờ đầu bạn.
Lần này hết cãi ! Đúng là tôi có đụng vào đầu thằng bạn ngồi bên cạnh. Vô ý đụng vào đầu bạn cũng là một cái tội ! Đụng vào chỗ khác thì tội đổ đâu cho hết ? Thảo nào mấy đứa " xóm nhà lá " vẫn kháo nhau phải coi chừng thầy. Thầy như người bị động kinh, bất thình lình lên cơn... nghiêm thì phiền lắm. Tiếng đồn không sai.
Bằng một giọng nửa thương hại, nửa vỗ về, thầy nói:
- Nếu vẽ bài Vạn Vật thì tha cho.

Tôi không đủ khôn để đáp lại tấm lòng độ lượng của thầy. Lúc này tôi chỉ biết sợ. Sợ cuốn thông tín bạ bị mang " vết nhơ " của thầy. Sợ bị bố đằn ra đánh. Cơn sợ khuyên tôi phải biết " Tránh thầy chẳng xấu mặt nào ". Tôi ấm ức chấp nhận cái giá thầy đưa ra.
Chiều hôm đó tôi xin mẹ tiền đi mua tờ giấy vẽ khổ lớn. Mẹ vui vẻ. Tội nghiệp mẹ đang hiểu lầm thằng con. Tôi thương mẹ.
Tuần sau, tôi nộp bản vẽ cho thầy. Thầy tươi cười khen đẹp. Tôi hơi e ngại nụ cười của thầy. Không hiểu tại sao tôi đâm ra thù ghét thầy, ghét luôn cả môn Vạn Vật từ ngày đó. Mặt mũi thầy ra sao tôi cũng chẳng thèm nhớ.
Nhưng đời học trò cũng có những cái bất ngờ. Trong cái rủi lại có cái may. Có lẽ thằng bạn bị tôi sờ đầu thấy tôi bị phạt oan nên ân hận chăng? Một hôm nó thân mật chỉ dạy cho tôi phương pháp giải mấy bài hình học. Nhờ một câu giảng của bạn mà tôi hiểu được cách học, hiểu được cách làm bài. " Học thầy không tầy học bạn ", người xưa nói không sai. Hè năm ấy tôi tự học xong chương trình Toán Lí Hoá của năm sau.
Thế là, cuối năm đệ ngũ tôi thi nhảy bằng Trung học đệ nhất cấp. Sau phần thi viết, phải vào vấn đáp.
Chết... bỏ mẹ. Có cả môn Vạn Vật. Chưa bao giờ tôi nghĩ đến học môn này. Chần chừ mãi, cuối cùng cũng phải thu hết can đảm vào thi.

Tôi bốc thăm trúng "Bộ máy tuần hoàn, hô hấp ".
Tôi bắt đầu bằng "Thân thể người ta chia ra làm 3 phần : đầu, mình và chân tay...". Thầy cắt ngang :
- Khỏi cần dài dòng. Hãy cho biết vai trò của tim, của dưỡng khí...
Tôi bắt đầu rịn mồ hôi. Ấm ừ một lát, tôi đành thú thật :
- Thưa thầy em chưa ôn bài này.
- Cho chọn bài khác. Lật hết ra mà chọn.
Tôi lật hết mấy mảnh giấy và chọn "Bộ máy tiêu hoá". Người ta đói thì phải ăn. Đồ ăn vào mồm, xuống dạ dầy. Các chất bổ đi nuôi cơ thể. Cặn bã thành phân, tống ra ngoài... Bài học ngắn gọn quá. Tôi không biết phải nói gì thêm. Thầy nhắc :
- Hãy phân tích phản ứng khi nhai, khi đồ ăn vào dạ dầy.
Mồ hôi càng rịn ra. Tôi ấp úng ca bài " ông đi qua, bà đi lại ".
- Thưa thầy em chưa kịp học môn Vạn Vật.
- Tôi có cảm tưởng em khinh môn Vạn Vật lắm phải không?
Giọng thầy vẫn bình thản làm tôi càng lo sợ. Sao thầy lại bắt mạch tôi đúng như vậy? Chối cũng khó, nhận thì... chết tươi. Tôi tìm cách nói nước đôi :
- Thưa thầy không phải. Em dồn sức học mấy môn khác, chưa kịp học môn Vạn Vật....
- À, không kịp học. Tưởng là khinh... Thôi, cho em ra.

Ra khỏi phòng thi tôi bàng hoàng, sực tỉnh. Nguy rồi. Bị thầy cho ăn trứng gà thì... chết nhăn răng. Vái trời, cầu mong thầy đừng... ác như vậy. Thầy cứ phết nửa điểm hay một phần tư điểm cũng được. Khỏi bị loại là... sướng rồi. Suốt ngày hôm ấy, tôi bị con số 0 ám ảnh. Mãi đến đêm mới hơi yên tâm. Nếu cho 0 thì thầy phải la mắng mình chứ. Đằng này thầy vẫn ôn tồn cơ mà. Chẳng lẽ "cha này" lại thâm hiểm như vậy sao?
Tôi hồi hộp chờ ngày công bố kết quả.
Rõ ràng tên mình kia kìa. Đậu bình thứ đàng hoàng. Tôi hoàn hồn, thầm cám ơn thầy hỏi vấn đáp môn Vạn Vật. Không biết hôm ấy trong đầu thầy nghĩ gì. Chỉ biết chắc chắn một điều là thầy không nỡ "giết" tôi. Mặt thầy tôi không nhớ. Tên thầy tôi không biết.
Năm sau sang học đệ tam, rồi đệ nhị Hồ Ngọc Cẩn (Gia Định), rồi đệ nhất Chu Văn An. Chuyện học chả có gì đáng nhớ. Lên đại học thì chỉ nhớ những cái lăng nhăng ngoài bến xe buýt, trong rạp xi nê. Nhớ mấy " mẹ ngoài đường ".
"Mẹ trong nhà" lo ngại bàn với bố, tìm lời vừa khuyên vừa " đuổi " thằng con sang Pháp.

Tôi hí hửng sang Pháp. Sắp có dịp thực hành mấy câu được thầy Huỳnh dạy Pháp văn sửa soạn cho đứa nào muốn du học : Sáng nay anh đã đánh răng chưa ? Hôm qua các anh ăn gì ? Chủ nhật này anh có đi dạo phố không?
Sang Pháp mới... choáng váng.
Thì ra mình chỉ là thằng " vừa câm vừa điếc ", cộng thêm cái nghèo. Đời sống sinh viên không êm ả, thơ mộng như thơ Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng...
Thỉnh thoảng báo chí, truyền hình lại nói đến OGM, HIV, H5N1. Tôi tò mò theo dõi tin tức. Không phải để mở rộng kiến thức về Vạn Vật, mà chỉ là để... phòng thân.

(Lyon, 11/ 2007)

Tôi đi học…bên Pháp

Vài dòng khai mào :
Hồi còn ở SàiGòn tôi được đọc Đi Tây của Nhất Linh, được đọc mấy bài thơ nói về Paris của Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng. Thế là đâm ra mơ mộng. Cho tới ngày chính mình được đi Tây (năm 1964) mới ngã ngửa người. Tỉnh mộng.
Gần đây tôi tò mò xem Những khuôn mặt Việt kiều *trên mạng.*
Làng ta sao lắm người tài.
Đặc biệt có một cô mới sang học bên Canada vài năm, bắt đầu quên tiếng Việt. Mọi sinh hoạt hàng ngày, cô đều suy nghĩ bằng tiếng Pháp. Con bé sao mà xuất sắc thế ! Ông bạn lắc đầu : Nó lại...Đi Canada về nhà nói phét.
Đi Tây du học của bọn mình có gì để " khoe " không ? Có chứ !
N.D.

***
Ừ nhỉ... Mới ngày nào... *Tấp tểnh người đi tớ cũng đi.*
Đi đâu mà vui như đi siêu thị, đi du lịch vậy ? Dạ, đi... du học ạ.
Đời ta tươi vui như hoa hồng thắm. Phen này sẽ được sờ cái tháp Ép Phen, được thấy cái nhà thờ có thằng gù, được ngắm BB... Đời sẽ tình tứ như thơ, như nhạc của đám đàn anh. Này, sao bảo là đi học cơ mà? Chuyện học hành còn dài, có gì mà vội thế.
Mơ mộng một tí đã chết ai đâu. Con vịt con trong chuồng trăn sở thú Sài Gòn cứ nhởn nhơ cho đến lúc...
Cô chiêu đãi Air France nhí nhảnh phát cho tờ giấy khai nhập cảnh. Tôi giật mình. Trống ngực bắt đầu đập thình thình. Vừa đọc vừa đoán. Tìm mãi vẫn không ra chữ để " điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa ".
Độ một giờ sau, tôi " bị " đặt chân lên đất Pháp.
Nhìn mấy ông lính đoan ngồi đằng sau tấm kính mà phát khiếp, sợ hơn vào thi vấn đáp. Nghe mấy ông xì xồ thì cứ như là xem phim không có phụ đề Việt ngữ. Hỡi các thầy dạy Pháp văn có khôn thiêng thì mau mau cạy họng thằng học trò cũ, tọng cho nó vài chữ làm bùa hộ mạng.
Trời, Phật, Thánh, Thần, Chúa ơi cứu con với.
Văn phạm là cái quái gì ? Động từ chia " mốt " này " tăng " nọ làm gì cho thêm rắc rối ? Những người vừa câm vừa điếc đâu có cần mấy món xa xỉ này.
Xin cụ Molière, xin Viện Hàn Lâm, tha thứ cho kẻ ngoại đạo.
Nước đến chân bắt buộc phải nhảy. Tôi nói, tôi diễn tả. Người nghe không hiểu mặc kệ họ...
Chưa bao giờ tôi... bạo như vậy.
Ở Việt Nam, quen mồm chê người xưa *Nôm na là cha mách qué*. Hôm nay mới thấm thía *Tây bồi là mẹ nhập cư*.
Tôi được ông anh đón về nhà ở ngoại ô Paris.

Tôi dụi mắt cố ngắm nhìn nhà cửa thấp thoáng. Có thể viết thư kể chuyện *Kinh Đô Ánh Sáng,* loè bạn bè bên Việt Nam được rồi đấy. Chuyện... són đái trong quần chưa nên kể vội. Sống với ông anh được hai ngày. Qua ngày thứ ba tôi lên xe lửa đi Rennes.
Đến cư xá sinh viên mà hỏi thăm mọi chuyện. Tôi gặp được mấy " ma cũ " Việt Nam tại đây. Trời đất quỷ thần ơi ! Chết đuối vớ được phao. Số mình chưa phải là số ăn mày. Mừng ơi là mừng.
Tôi nhờ một bạn dẫn đi ghi tên học.
Cô thư kí Trường Đại Học Khoa Học ngạc nhiên thấy giờ này mà vẫn còn người ghi tên. Anh bạn cười xoà. Nha Du Học Sài Gòn công việc nhiều lắm, lúc nào cũng tấp nập... *Đi đâu mà vội mà vàng*... *Thủng thỉnh như chúng ông đây*...
Anh bạn bảo tôi trình giấy giới thiệu của Institut Franco-Vietnamien. Cô thư kí hỏi giấy chứng chỉ Tú Tài. Tôi trình giấy. Cô lắc đầu không nhận vì không biết là giấy gì. Anh bạn hỏi tôi có bản dịch ra tiếng Pháp không ? Tôi đưa bản dịch có đóng dấu thị thực màu đỏ của toà án. Cô thư kí lại lắc đầu. *Luật lệ bắt phải nộp bản chính.* Anh bạn giải thích ở Việt Nam có tú tài Pháp, tú tài Việt. Có giấy bằng chữ Pháp, có giấy bằng chữ Việt. Giấy của tôi bằng chữ Việt nên phải dịch ra chữ Pháp.*Nhưng bản dịch không phải là bản chính*. Anh bạn nhanh trí, đề nghị cô giữ cả bản chính và bản dịch cho chắc ăn. Rốt cuộc, cô thư kí bằng lòng.
Chao ôi, cô cười tươi quá là tươi. Tôi thở phào. Một lát sau được cầm cái thẻ sinh viên MPC (ban Toán Lí Hoá).
Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và đầy gió lạnh...
Hôm nay tôi đi học... bên Pháp.
Tôi đi học muộn gần một tháng. Tất cả các sinh viên đã được chia nhóm, kết đôi để thực tập trong phòng thí nghiệm. Tôi đơn thương độc mã, làm gì cũng trơ trọi một mình.
Lần ấy thực tập Quang Học.
Lăng kính, thấu kính, quang phổ kế...Cả đống máy móc, dụng cụ để đo khúc xạ ánh sáng. Loay hoay gần nửa giờ mà vẫn không lắp, không điều chỉnh được cái máy đo. Tôi giơ tay hỏi cô trợ giáo. Cô vui vẻ, tươi cười. Xinh ghê. Người xinh cái bóng cũng xinh. Cô chỉ dẫn, giúp tôi. Phần còn lại nhẹ nhàng, cứ làm theo thứ tự các câu hỏi. Đo, tính, ghi chép kết quả là xong. Định ra về, nhưng nhìn đồng hồ thấy còn sớm quá. Ở lại làm thêm một lần nữa. Hết giờ đi ăn là vừa. Chả mấy khi được thoải mái như hôm nay.
Tôi xoay vặn, tháo máy. Xoá bỏ hết. Làm lại từ đầu.
Nhưng không may cho tôi. Lại không tìm được vị trí để đo.
Cực chẳng đã tôi phải giơ tay cầu cứu cô trợ giáo. Cũng như lần trước, cô vui vẻ, vừa giảng vừa vặn mấy cái nút máy.
Bỗng cô ngừng lại, chỉ tờ giấy ghi kết quả, hỏi tôi :
- Anh chép kết quả này của ai ?
Tôi chỉ vào ngực mình, trả lời gọn lỏn... của tôi.
Cô phì cười :
- Anh chưa điều chỉnh được máy thì làm sao có kết quả được ?
Tôi lặp lại là của tôi. Cô nghiêm giọng :
- Anh chép của ai ?
Tôi bắt đầu lúng túng, cố nói cho cô hiểu là lúc nãy tôi đo, tôi ghi chép. Nhưng chỉ có tôi mới hiểu tôi muốn nói gì.
Cô tiếp tục một tràng dài:
- Đừng nói dối vô ích. Rõ ràng là anh đang nhờ tôi giúp, thế mà anh lại nói là kết quả này là của anh. Vô lí.
Cái lí của tôi vô lí thật. Tôi không biết nói gì hơn là... của tôi. Rồi đứng im chịu trận.
Đúng mười mươi rồi! Im lặng là... nhận tội. Có tội nhưng còn bướng, không chịu nhận tội. Cô bực mình, nhìn thẳng vào mặt tôi :
- Chuyện không có gì là quan trọng nhưng nếu anh không nhận lỗi thì tôi sẽ không giúp anh và tôi còn phạt anh.

Tôi hoảng sợ nghe cô tuyên án. Gớm, sao mà ác thế. Không quan trọng mà còn phạt. Quan trọng thì sẽ đi đến đâu ?
Cô hỏi vặn tôi thêm một lần nữa. Tôi cố giải thích là... của tôi. Nhưng tiếng Pháp của tôi còn lộn xộn quá. Mặt cô cứ lạnh như tiền.
Cuối cùng cô lắc đầu định bỏ đi, không giúp tôi nữa.
Thằng Jacques thấy vậy vội can thiệp :
- Quanh đây chỉ có thằng Nguyễn với tụi tôi, nhưng chúng tôi làm đề tài khác. Cô quên là chính cô có giúp nó hồi đầu buổi. Tôi thấy nó có đo, có ghi chép... Không hiểu tại sao nó lại phải hỏi cô một lần nữa ?
Cô trợ giáo à một tiếng :
- Tôi hiểu rồi. Có vậy thôi mà nó nói gì...tôi không hiểu.
Đến lượt cô im lặng, có vẻ ngượng ngùng. Cô điều chỉnh máy rất nhanh, rồi bỏ đi. Này, có gì mà chuồn như bị ma đuổi vậy?
Tôi cám ơn thằng Jacques. Vừa mừng vừa tủi.
Cô ơi cô đẹp chín nghìn ! Mà sao cô lại...đùa nhau thế này!
Cũng may là cô chưa phạt tôi.
Cả tháng sau tôi còn sợ vu vơ. Sợ mình không đủ khả năng để chứng tỏ mình vô tội.
" Trận đòn " của cô trợ giáo cứ lơ lửng trên đầu.
Tôi còn một kỉ niệm khác, cũng thuộc loại đáng đồng tiền bát gạo,
Đó là cái buổi thực tập Hoá Học.
Tai ương lại giáng xuống đầu thằng vừa câm vừa điếc.
Tôi đang chăm chú nhỏ từng giọt hoá chất vào ống nghiệm, thì được ông trợ giáo đến hỏi thăm. Ông tốt bụng, thương tôi lủi thủi một mình chăng ? Tôi " merci " ông bằng nụ cười và cái gật đầu.
Tưởng chào hỏi như vậy là xong, không dè ông hỏi thêm tôi làm tới đâu rồi ?
Khó ăn khó nói quá. Tôi lính quýnh, vừa nói vừa diễn tả là tôi đang dùng mấy giọt " các-bô-nát đờ na-tri ".
Ông trợ giáo ngạc nhiên, nghiêm giọng bảo tôi lặp lại. Tôi nhận ra mình vừa nói theo kiểu học được bên Việt Nam. Hèn gì ông không hiểu. Tôi ấp úng chữa lại cho đúng là tôi dùng " các-bô-nát đờ na-tri-om " (carbonate de natrium). Không ngờ ông lại ra lệnh bắt tôi lập tức tắt lửa.
- Coi chừng tai nạn, nổ sập phòng thí nghiệm bây giờ !
Tôi hốt hoảng tắt lửa. Trời đất ! Cha mẹ ơi ! Tí nữa thì tàn đời con rồi. Tôi bắt đầu run sợ, không hiểu chuyện gì.
Ông trợ giáo lo ngại ra mặt :
- Nguyễn, anh có biết công thức của hoá chất anh dùng không ?
Tôi gật đầu. Ông móc túi lấy ra cuốn sổ nhỏ bảo tôi viết công thức. Tôi viết. Ông trợn mắt dằn giọng :
- Nguyễn, nghe đây! Đây là công thức của " các-bô-nát đờ sô-đi-om " (carbonate de sodium) chứ không phải...cái hoá chất anh nói lúc nãy.
Tay tôi, mặt tôi, lưng tôi, lấm tấm rịn mồ hôi. Hai chân như bị kiến đốt. Tôi đứng im, không dám nhìn thẳng. Ông trợ giáo nói một tràng dài. Tôi chỉ hiểu đại khái ông mắng tôi.
Làm thí nghiệm hoá học phải hết sức thận trọng. Dạ !
Không biết thì phải hỏi chứ không được tuỳ tiện làm bậy. Dạ !
Lỡ làm bậy thì phải có can đảm nhận lỗi. Dạ !
Bị bắt quả tang gian lận lại còn chối như trẻ con. Không! Không! Không! Tôi không gian lận!
Phản đối xong, tôi " pardon " xin lỗi ông. Không biết " pardon " lúc này có đúng phép lịch sự hay không nhưng tôi cứ nói bừa để ông bớt giận.
Rồi tôi cố gắng diễn tả cho ông hiểu rằng tôi không gian lận, không chối. Nhưng ngôn ngữ bất đồng, vốn liếng tiếng Pháp của tôi mang ra dùng hết rồi. Ông tỏ vẻ không muốn nghe tôi nói.

Có lẽ để khỏi phải đôi co dài dòng, ông ngoắc tay gọi người giúp việc phòng thí nghiệm lại hỏi. Người này cười, nói rằng ông ta không có chất gì khác để cho tôi. Ông trợ giáo càng có lí để mắng tôi.
- Thấy chưa? Người ta cho anh đúng hoá chất, anh lại đi dùng chất khác, đến lúc bị bắt quả tang đang gian lận lại còn chối. Xấu lắm. Tôi rất ghét cái tính xấu đó.
Tôi câm họng, ấm ức, muốn khóc.
Không được khóc ! Cấm mày không được khóc ! Cùng lắm thì bị phạt... Việc gì mà phải khóc.
Không biết lúc ấy mặt mày tôi trông thảm hại đến mức nào mà thằng Hervé phải động lòng. Nó nói với sang :
- Này, ông đừng to tiếng. Ông không có quyền mạt sát nó quá đáng như vậy. Tôi sẵn sàng làm chứng là bạn tôi dùng hoá chất của ông này cho. Từ đầu buổi tới giờ nó không rời khỏi chỗ này.
Thằng Hervé nói gần như mắng ông trợ giáo.
- Bạn anh làm bậy còn chối. Nó lải nhải... tôi chả hiểu gì cả.
- Ông thừa biết nó không nói được tiếng Pháp. Ông có nói được tiếng Tàu không ?
Ông trợ giáo nghe người đồng hương đốp chát, có vẻ nguôi giận. Trước khi bỏ đi ông còn điểm mặt tôi :
- Tôi sẽ tra tìm cho ra cái hoá chất của anh.
Ông rút lui vào văn phòng. Một lát sau ông trở lại. Quái lạ ! Lần này ông hạ giọng gần như nói thầm với tôi:
- Bảng danh từ khoa học quốc tế có tên Na-tri-om. Tiếng Pháp gọi là sô-đi-om. Tại sao anh không chịu dùng tiếng Pháp ?
Tôi chửi thầm trong bụng : Tiên sư nhà ông. May cho ông là tôi chưa biết chửi bằng tiếng Pháp. Ông trách người chết đói tại sao không chịu ăn cho no ? Ông gọi Na là sodium, quốc tế gọi nó là Natrium, tại sao ông lại chửi mắng tôi nhặng xị như vậy ? Tiên sư nhà ông. Chỉ muốn quai cho ông một cú.
Trách tôi xong, ông lẳng lặng bỏ đi. Thằng Hervé gọi với, nhắc ông xin lỗi tôi. Nhưng ông không kịp nghe.
Ngay tối hôm đó tôi quyết định phải dồn sức học tiếng Pháp. Ước gì một ngày kia mình nói được tiếng Pháp ! Ôi, cái giấc mơ to lớn quá, không biết đến bao giờ mới với tới được !

(Lyon, 6/2006)

Một lần đón Tết

(tặng Bằng, nhớ Ân)

Ngày xửa ngày xưa, tại tỉnh Rennes bên Pháp...
Năm ấy, Ân, Bằng và tôi thuê nhà ở chung cho đỡ tốn tiền. Ba đứa học ba trường khác nhau. Công việc trong tuần cứ đều đều sáng vác cặp đi, tối vác về. Cơm trưa, cơm chiều có *Resto-U* (quán ăn sinh viên) phục dịch. Chúng tôi chỉ gặp nhau một lúc buổi sáng, buổi tối và cuối tuần.
Mùa đông năm 1967, thiên hạ xuýt xoa... sao mà rét thế. Nhiệt độ trong ngày cứ quanh quẩn ở khoảng mấy độ âm. Tuyết phủ trắng thành phố. Sáng dậy, nhìn qua cửa sổ, không muốn ra khỏi nhà...
Cữ này, ngoài Bắc đang có mưa phùn, trong Nam thì vẫn nắng hằng ngày.
Ba đứa chúng tôi đang ăn sáng, cười đùa, bỗng Bằng ra hiệu im lặng :
- Hôm nay hai toa về sớm cúng Giao Thừa, đón Tết nghe.
Tôi ngạc nhiên :
- Ủa, hôm nay Tết à ? Moa chưa được thư nhà nên chả biết gì cả.
Ân cười rộ, trả lời Bằng :

- Toa giỡn hoài. Nhà có gì đâu mà định cúng với lễ ?
Ân nói đúng. Nhà chả có gì. Chúng tôi chỉ có hai gói bánh mì khô và lọ mứt để ăn sáng. Mấy quả trứng, ít nui (*nouille*) ít pát (*pâte*), để buổi tối đứa nào đói thì ăn thêm. Vậy mà Bằng định làm cỗ ? Đào đâu ra đồ ăn ?
Tôi đùa thêm :
- Toa định làm cỗ bằng bánh mì, dăm bông (*jambon*) à ?

Nước Pháp vào khoảng những năm 1960-1970, còn ít người Á Đông. Ở Rennes thì chỉ lưa thưa hai, ba chục sinh viên Việt, Miên, Lào. Đồ ăn Việt Nam hoàn toàn không có gì. Của đáng tội, đứa nào nhớ cơm thì cũng có gạo *Taureau ailé* của Pháp, hay *Uncle Ben's* của Mĩ. Ăn với thịt bò hộp, cá hộp, hay trứng tráng cũng xong, cũng dịu được cơn thèm.
Bài ca quen thuộc của chúng tôi mỗi khi gặp nhau là nhớ, là thèm cơm Việt Nam. Cơm Tây... chán quá. Chán nhưng vẫn đều đều ngày hai bữa vì chẳng lẽ lại... nhịn đói !
Kể cũng lạ.
Hồi còn ở Việt Nam thì chê cơm của mẹ, chỉ mơ ước được ăn cơm tây, tráng miệng bằng táo tây, cam tây. Sang tây thì lại chê cơm tây, thèm cơm của mẹ. Ở Việt Nam thì sính đồ Pháp, sang Pháp thì lại kháo nhau phải *made in USA* mới đẹp, mới chiến... Nhiều đứa cứ lùng bùng không thoát ra khỏi vòng *Đứng núi này, trông núi nọ*.
Thỉnh thoảng chúng tôi thèm phở. Phải kiên nhẫn chờ đến chủ nhật, kéo thêm bạn bè. Đàn đúm, đấu láo đông mới vui. Ăn uống đông... mới rẻ. Có rẻ... mới đông.
Phở của chúng tôi là tảng thịt bò bắp có gân, có mỡ. Thằng Quế phịa là nhà có chó, ông hàng thịt cưa cho cục xương đầy tuỷ, tặng thêm một ít bạc nhạc. Hoan hô chó. Chó là bạn tốt của sinh viên Việt Nam.
Thịt, xương cho vào nồi đun sôi, vớt bọt. Bỏ gia vị. Ba, bốn nụ đinh hương, *muscat,* một củ hành tây nướng, mấy cục đường, bốn năm cục *Viandox*. Hầm bếp *Camping gaz* độ một giờ là xong.
- Nghe nói tiệm *Thanh Bình* trên Paris có cánh hồi đấy, có đứa nào lên chơi thì nhớ mua giùm.
- Này, tụi thằng Đạt bảo là *Maggi* nhẹ mùi, khá hơn *Viandox*.
- Các cô chê bánh phở làm bằng *spaghetti* sợi tròn không đúng điệu, nui *Lustucru* ngon hơn.
Phở của chúng tôi có thêm đĩa hành tây trộn dấm. Có tiêu, có chanh, có ớt *Cayenne* cay xé lưỡi. Phở *Maubert* hay phở *Cha Giản* trên Paris cũng chỉ được như thế này là cùng.
- Giờ ăn đến rồi, giờ ăn đến rồi...Mời anh xơi, mời em xơi...
Căn phòng ồn ào như vỡ chợ. Đứa thì đòi mỡ gầu, đứa muốn thêm tí gân. Đừng cho moa nước béo. Chần cho tớ ít hành. Cuối bữa là màn khề khà xíu quách với bia.
Ngon ơi là ngon...Mỗi đứa chỉ tốn xấp xỉ một *ticket Resto-U* (năm 1967, vé ăn giá 1,10 *franc*, gần bằng 0,20 *euro*).

Ân đề nghị Bằng nấu phở cúng Giao Thừa. Bằng bác liền :
- Không được ! Ngày Tết ai lại cúng phở. Các cụ mắng cho bây giờ. Moa làm cỗ. Chỉ yêu cầu hai toa về đúng giờ cho vui.
Ân nửa đùa nửa thật :
- Moa rủ Jacqueline được không ?
Câu hỏi của Ân làm tôi chợt nhớ nàng tiên tóc vàng Monique năm MPC. Có lần ngủ mê chập chờn, thấy mình được ôm eo, tán tỉnh nàng... trong vườn Tao Đàn. Sướng như điên. Điều bất ngờ và thú vị nhất là không những Monique chịu chơi mà còn biết nhõng nhẽo... bằng tiếng Việt. Tỉnh dậy, tôi mới thấy trình độ tiếng Pháp của mình chưa đủ để phục vụ tình hữu nghị quốc tế.
Hậm hực mãi... Hôm nay tôi mới được dịp thổ lộ :
- Ăn Tết mà cứ phải chia động từ tiếng Pháp thì...mất hứng.
- Moa đồng ý với thằng Dư. Toa rủ được cô *Mít* nào thì cứ rủ, đừng rủ đầm.
- Các cô nhà mình khó lắm toa ơi. Đâu có cô nào chịu bỏ học để đi ăn.

- Ê ! Chiều nay moa không có gì, đâu phải trốn học. Moa nói thật đấy, bọn toa nhớ về trước 5 giờ nghe.
Buổi chiều hôm ấy, tôi làm qua loa cho xong bài thực tập Hoá Học, rồi giả vờ đau bụng, xin phép về sớm.
Tôi về đến nhà lúc gần 5 giờ. Ân đã về trước tôi.
- Thơm quá! Kiếm đâu ra nhang vậy ?
- Nhang Ấn Độ đấy. Moa nhờ thằng Eric xin bọn *Krishna* từ tuần trước.
- Có phải bọn đầu trọc, áo vàng, khua chuông gõ mõ, múa hát ngoài đường không ?
- Chính hắn. Sắp 5 giờ rồi ! Thôi, bọn mình sửa soạn lễ là vừa.

Mâm cỗ bày gọn trên chiếc bàn ăn sáng. Giữa mâm là con gà. Bằng uốn gà khéo quá. Cánh khép, chân quỳ, cổ cong như chữ S, mỏ ngậm bông hoa màu đỏ. Bên trái là bát canh cải hoa, điểm vài lát cà rốt màu cam tỉa răng cưa, lấm tấm mấy hạt đậu màu xanh. Bên phải là đĩa xào cũng nhiều màu sặc sỡ. Đằng trước bày bát cơm, ba nén nhang cắm trong một chén gạo, một li nước và một đĩa cam.
Căn phòng bỗng im lặng, trang nghiêm khác thường. Hương thơm của mâm cỗ quyện vào khói nhang làm cay cay mắt. Chúng tôi lần lượt đến trước bàn thờ khấn vái.
Tôi không nghe được những lời khấn của Bằng, của Ân, nhưng tôi đoán là cả ba đứa cùng nghĩ đến gia đình. Chúng tôi cùng cầu cho mọi người bên Việt Nam sang năm mới được khoẻ mạnh, bình an...
Chắc chắn là giây phút này bố mẹ chúng tôi bên Thị Nghè, Phú Nhuận hay Sài Gòn, cũng đang cúng Giao Thừa, đang thì thầm khấn ông bà, ông vải phù hộ cho ba thằng con xa nhà.
Lễ xong, chúng tôi chúc Tết lẫn nhau.
Bằng chúc Ân :
- Chúc toa năm mới lọt vào mắt xanh cô nào.
- Toa đừng chúc bậy ! Bên Pháp chỉ có đầm mắt xanh chứ không có cô *Mít* nào mắt xanh đâu nhé. Coi chừng đấy !
- Thế thì chúc toa lọt vào mắt đen cô *Mít tố nữ* nào vậy.
Tôi phụ hoạ thêm :
- Nhưng đừng... lọt thỏm, chết đuối nghe.
Ân chúc tôi :
- Chúc toa lấy được *certif* (chứng chỉ).
Đến lượt tôi chúc Bằng :
- Chúc toa lên lớp... Này, cho moa hỏi nhỏ, con gà ngậm hoa gì vậy ?
- Moa cũng chẳng biết là hoa gì. Đi qua vườn Thabor, mắt trước mắt sau, ngắt trộm được một bông. Đáng lẽ phải có nhiều hoa, nhưng sợ bị bắt thì... dông cả năm, moa không dám. Bàn thờ còn thiếu rượu, phải thay bằng nước lã. Nói lén các cụ, lát nữa mình có bia để nhậu.
- Toa kiếm đâu ra đủ thứ ngon lành vậy ?
- Toàn là *tây* đấy chứ. Cải *tây*, hành *tây*, tỏi *tây*, cần *tây*... Đồ ăn thuộc loại sang bên Việt Nam đấy. Tiệm *Chez Mohammed*có đủ cả.
Nhang sắp tàn. Mình lễ tạ là xong. Moa đi chặt gà, toa trộn chút muối tiêu, pha tí dấm...Ân ơi, mang xoong cơm ra đi. Đói bụng rồi. Canh, xào ăn hết, vào bếp lấy thêm...
Chúng tôi được một bữa... ăn thả cửa. Ba thằng vịt đực ca hát... như đấm vào tai. Lôi mấy cô đầm ra pha trò nhảm nhí. Vui như Tết ! Gần 12 giờ đêm mới đi ngủ.

Hè năm ấy, chúng tôi trả nhà. Từ đấy không còn dịp cùng nhau đón Tết đúng Giao Thừa bên nhà. Chỉ một lần mà nhớ mãi không quên.

(Tết Đinh Hợi, 2007)

***

Phụ đính:

36 câu nói của người xưa

Tục ngữ, châm ngôn, thành ngữ, phương ngữ Việt Nam đã được nhiều học giả để ý sưu tầm, giải nghĩa từ khoảng một trăm năm nay. Sách viết bằng chữ hán, chữ nôm vừa hiếm, vừa khó hiểu nên dần dần bị quên lãng. Sách còn được lưu truyền đến ngày nay, hầu như chỉ có sách viết bằng chữ quốc ngữ. Coi như chữ quốc ngữ đã loại được chữ " thánh hiền " và chữ " nôm na ". Đáng ngạc nhiên hơn nữa là trong số những người đi tiên phong trong việc truyền bá chữ quốc ngữ lại có cả người Pháp. Trong lúc người Việt còn bàn cãi thì một vài người Pháp đã bắt đầu viết sách bằng chữ quốc ngữ về... tục ngữ, thành ngữ Việt Nam. Có thể kể:
- Sách *Chrestomathie Annamite* (Quảng tập viêm văn) của"Dáo (giáo) học Ngô Đê Mân" (Edmond Nordemann, professeur au *Collège des Interprètes,* Trường Thông Ngôn). Edmond Nordemann (viết tắt EN) cũng là người sáng lập ra*Société tonkinoise d'Enseignement mutuel* (Hội Trí Tri). Sách *Quảng tập viêm văn* được xuất bản năm 1898 tại Hà Nội, gồm 180 bài phương ngữ Bắc Kỳ, kèm theo một tập từ vựng giải thích. Thiên thứ chín sưu tầm "Nhời ví mấy câu ví, dọn theo vần A, B, C ". Nhời ví, câu ví là những câu tục ngữ và thành ngữ được phổ biến đến tận ngày nay. Sách còn cho người đọc thấy được tình trạng chữ quốc ngữ tại Bắc Kỳ hồi cuối thế kỉ 19.
- Các bài biên khảo về *Croyances et Pratiques Religieuses des Viêtnamiens* (Tín ngưỡng và nghi thức tôn giáo của người Việt Nam) của Léopold Cadière (LC), được viết trong khoảng từ năm 1901 đến 1912. Năm 1957, trường Viễn Đông Bác Cổ tại Paris tập hợp các bài viết và in thành sách. Sách được tái bản năm 1992. Trong mục *Philosophie populaire: Cosmologie* (Vũ trụ quan) Léopold Cadière sưu tầm được nhiều câu tục ngữ liên quan đến súc vật.
Về phía các tác giả Việt Nam, có rất nhiều sách. Tuy nhiên, các sách nghiên cứu có hệ thống, chuyên sâu về tục ngữ thì không nhiều. Xin nêu ra một số tiêu biểu :
- *Tục ngữ, phong dao* (1916) của Nguyễn Văn Ngọc (NVN) sưu tầm được hơn sáu nghìn năm trăm (6500) câu tục ngữ, thành ngữ và nhiều bài phong dao (ca dao).
Nguyễn Văn Ngọc là người đầu tiên làm công việc sắp xếp các câu tục ngữ, các bài phong dao theo thứ tự A, B, C..., và theo số chữ của câu. Rất tiện cho việc tra tìm.
- *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam* (in lần thứ tám, 1978) của Vũ Ngọc Phan (VNP) sưu tầm và sắp xếp các câu nói, bài ca theo đề tài (Vũ trụ, con người và xã hội, quan hệ thiên nhiên, quan hệ xã hội...). Sách sưu tầm được nhiều bài chống thực dân, đế quốc của nhiều sắc dân. Vì các câu nói, các bài ca được sắp xếp theo nội dung, đề tài nên rất khó tra tìm theo câu chữ cụ thể.
- *Thành ngữ-tục ngữ Việt Nam* (2007) của Thuỳ Linh (TL) sưu tầm thêm nhiều câu mới, đặc biệt là cả những câu của đầu thế kỉ 21. Thuỳ Linh tiếp tục làm công việc đã được Nguyễn Văn Ngọc bắt đầu gần 100 năm trước.
Tiếc rằng cả năm tác giả tây và ta kể trên chỉ sưu tầm các câu nói. Không giải nghĩa. Sách có giải nghĩa thành ngữ và tục ngữ tương đối còn hiếm. Đáng kể là:
- *Thành ngữ tiếng Việt* (1978) của Nguyễn Lực và Lương Văn Đang (LĐ).
- *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* (1989) của Nguyễn Lân (NL).
Bên cạnh các ghi chép còn phải kể thêm một ít tranh vẽ, minh hoạ các câu nói:
- Bộ tranh *Technique du peuple Annamite* (Kĩ thuật của dân An Nam) của Henri Oger, xuất bản năm 1909, sưu tầm được 36 câu tục ngữ, thành ngữ.
- Sách *Imagerie populaire vietnamienne* (1960) (Tranh dân gian Việt Nam) của Maurice Durand sưu tầm thêm được 13 câu.
Bài này giới thiệu 36 câu nói trong bộ tranh Oger.
- Các tranh được đánh số 1, 2, 3...8. Các câu nói của mỗi tranh được ghi a, b, c...

- Chữ nôm đọc từ trên xuống dưới và từ phải sang trái. Chỗ nào sai sẽ được nêu ra.
- Các chữ viết tắt (NVN, VNP...) là tên tác giả của sách được tham khảo.

Tranh 1

a - *Ngỗng ông lễ ông* (LC, NVN, LĐ, NL).
(Prendre) l'oie de quelqu'un pour la lui offrir (LC).
Remercier quelqu'un avec ses propres bienfaits (Gustave Hue)
Ý nói: Vật biếu người ta chẳng qua cũng chỉ là của của người ta (NL).
Giải thích của Nguyễn Lân (NL), Léopold Cadière (LC) và Gustave Hue hơi lủng củng, khó hiểu. Đồ biếu của mình là... đồ của người ta? Hoá ra *Ngỗng ông lễ ông* là ăn trộm mang đồ trả lại cho người bị mất trộm à? Đến cửa quan (*công môn*) thú tội, *lạy ông tôi ở bụi này*, để được... vào tù à? Dân đen dại dột, ngu xuẩn như vậy sao? Nhất định là không! Quan không hiểu lòng dân chứ dân thì đứa nào cũng... *đi guốc trong bụng* quan! Không hiểu *Ngỗng ông lễ ông* muốn nói gì để tố cáo nạn quan ăn hối lộ, hà hiếp dân đen?

b - *Sáng trăng bà về vậy.*
Sáng trăng suông bà về vậy (NVN).
Chữ *vậy ở* cuối câu cho thấy sự thất vọng của người đàn bà. *Về vậy* có nghĩa là *đành phải về*.
Ngày xưa, ở thôn quê cũng như ở thành thị, sáng trăng là dịp trẻ con rủ nhau vui đùa trong xóm, ngoài ngõ. Nhưng sáng trăng lại bất tiện cho những việc làm lén lút như trộm cướp, hẹn hò bất chính. Dường như người đàn bà trong tranh đang gặp tình cảnh này. Bà muốn " đi đêm" nhưng trăng cứ sáng vằng vặc, rõ như ban ngày thế kia thì... hỏng chuyện! Bỏ về là vừa.
Nghĩa bóng của câu nói : định làm chuyện mờ ám nhưng không thành.
c - *Già chơi trống bỏi* (LĐ, NL).
Già còn chơi trống bỏi (NVN, TL).
Ám chỉ người già lấy thêm vợ trẻ (LĐ).
Chê những người già vẫn có những việc làm không đứng đắn, không còn xứng với tuổi của mình nữa (NL).
Ngày nay ám chỉ các cụ động cỡn, đú đởn thích " chơi " tin (*teen*).
d - *Khóc đống bòng bong* (có tấm bia khắc chữ *Mộ chí*)
Mồ cha không khóc, khóc đống mối,
Mồ mẹ không khóc, khóc bối bòng bong (NVN).
Mồ cha chẳng khóc, khóc đống mối (NL).
Chê người tha thiết đến một việc không phải là phận sự của mình (NL).
Chê cười kẻ không thương cha, thương mẹ đẻ của mình mà lại vớ vẩn đi thương ông nọ, ông kia ở mãi tận đâu đâu.

Tranh 2

a - *Nuôi ong tay áo* (EN, LĐ, NL).
- *Nuôi ong tay áo; nuôi khỉ dòm nhà* (LC).
Nuôi dưỡng, giúp đỡ kẻ xấu có thể phản bội lại mình (NL-LVĐ).
Giúp đỡ, che chở một kẻ sẽ phản bội mình (NL).
Câu nói *Nuôi ong tay áo* ngắn gọn, đầy đủ ý nghĩa. Nhưng nhiều người lại muốn kéo dài hơn :
- *Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà* (NVN).
- *Nuôi ong tay áo, ấp rắn vào ngực* (NVN, NL).
- *Nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà* (TL).
b - *Từ bi oản quả, day tay oản quả*
Từ bi cũng một phẩm oản, quả chuối, Ra tay mắm miệng cũng một quả

chuối phẩm oản (NVN).
Từ bi từ tại cũng phẩm oản quả chuối, day tay mắm lợi cũng quả chuối phẩm oản (TL).
Nghĩa đen của câu nói: Chùa có ông thiện, ông ác. Hai ông đều được khách thập phương mang oản, quả cúng bái.
Nghĩa bóng: Quan lại tốt hay xấu dân đen đều phải đút lót như nhau.
c - *Ăn cây nào rào cây ấy (nấy)* (EN, NVN, NL, TL).
Nói người có tình nghĩa luôn luôn tỏ lòng biết ơn người làm ơn cho mình (NL).
Dường như NL nhầm lẫn với câu *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.* Để tỏ lòng biết ơn tục ngữ còn có câu *Uống nước nhớ nguồn*.
Ăn cây nào rào cây ấy khuyên người ta nên cẩn thận, ăn chắc, được tới đâu hay tới đấy. Làm việc gì thì nên chú ý vào kết quả trước mắt của việc ấy.
d - *Rán sành ra mỡ* (NVN, LĐ, VNP, NL, TL).
Quá hà tiện, keo kiệt, bủn xỉn (LĐ).
Giễu kẻ hà tiện quá mức (NL).
Xem thêm câu *Vắt chày ra nước* ở phần sau (3b).

Tranh 3

a - *Bảo lấy hương, lấy đao thiết*
Câu nói không có nghĩa. Hai chữ *đao thiết* cần được tìm hiểu.
Chữ *thiết* (bộ khẩu+chữ thiết) không có trong tự điển Hán Việt của ta. Đây là chữ nôm. Bộ khẩu là kí hiệu, âm của chữ nôm được viết bằng chữ *thiết*. Chữ *đao* (Hán) đứng trước chữ *thiết* trở thành vô nghĩa. *Đao* phải là chữ nôm.
Đao thiết phải được đọc nôm như thế nào?
- Chữ *đao* thường được đọc nôm là *dao* (con dao). Vừa đúng âm, vừa đúng nghĩa. *Đao* cũng có khi được đọc theo âm thành *đeo*(vác), *đẽo* (đục đẽo)...
- Chữ *thiết* đọc nôm là *thét* (hét to), *thết* (đãi), *thớt* (cái thớt của nhà bếp)...
Hai từ *đao thiết* của câu tục ngữ có thể đọc nôm thành : dao thớt, dao thết, đeo thớt, đẽo thớt v.v.
Chúng ta có thể loại bỏ mấy cặp từ *đeo thớt, đẽo thớt, dao thết*...vì không thích hợp với câu nói và nội dung tranh. Còn lại cặp từ *dao thớt*.
Bảo lấy hương, lấy *dao thớt*
Câu nói nghe xuôi tai nhưng tối nghĩa. *Dao thớt* không giải thích được nội dung của tranh. Nghệ sĩ dân gian muốn viết chữ gì ?
Truyện *Thầy trừ chồn,* trong sách *Chuyện đời xưa* của Trương Vĩnh Ký, có đoạn :
(...) " Chủ nhà nghe chịu liền. Vậy thầy mới biểu : Đâm bột cho nhỏ, đậu cà ra làm nhân, cho đầy một thúng cái, đến mai tôi đến, tôi làm phép cho một bữa thì hết. Thầy xách *chiết* tới, lấy bột, lấy đậu đem ra nắn chồn lớn, chồn nhỏ, để nơi ghế. Lại nắn một con lớn hơn hết để giữa... ".
Chiết là một từ cổ, được chú thích là *cái đẫy, cái túi.*
Đại Nam quốc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của định nghĩa *chiết* là đồ đựng đan bằng tre, mây, có nắp đậy, cũng gọi là cái cọ, cái nừng.
Chữ *thiết* (bộ khẩu + chữ thiết) đọc nôm là *chiết*, nghĩa là cái *bị*. Cái *bị* cho phép suy ra rằng chữ *đao* đã được nghệ nhân dân gian dùng để viết chữ nôm *đầy*.
Tóm lại, *đao thiết* đọc nôm là *đầy chiết*. Câu nói trở thành *Bảo lấy hương, lấy đầy chiết (bị)*.
Người xưa trách kẻ tham lam. *Bảo lấy hương* (lấy hoa), (nhưng nó cứ) *lấyđầy bị*.
Ngày nay thường nói :
Ăn lấy vị, chứ ai lấy bị mà mang (NVN).

Ăn lấy thơm lấy tho, chứ không ai ăn lấy no, lấy béo (NVN).
Câu nói quay sang ám chỉ cảnh ăn uống đình đám. Trong cả hai trường hợp, câu nói đều khuyên người ta chớ tham lam.Không nên lợi dụng " của chùa ".
b - *Vắt chày ra nước.*
Vắt cổ chày ra nước (NVN, LĐ, NL,TL)
Câu nói chê người hà tiện, keo kiệt, bủn xỉn quá đáng (LĐ, NL).
Vắt chày ra nước thường đi đôi với *Rán sành ra mỡ.* Hai câu có nghĩa giống nhau. *Việt Nam tự điển* của Khai Trí Tiến Đức (1931) gộp chung hai câu tục ngữ thành *Vắt cổ chày ra mỡ*.
c - *Cõng rắn (về) cắn gà nhà*. (EN, NVN, VNP, LĐ, NL, TL).
Bắt rắn về cắn gà nhà (LC).
Bắt rắn hợp lí hơn cõng rắn.
Câu nói phê phán những tên phản bội đưa các lực lượng phản động bên ngoài về sát hại đồng bào (NL).
Hành động phản lại nhân dân, Tổ quốc, đem giặc về giết hại đồng bào (LĐ).
Cõng rắn cắn gà nhà thường đi với câu *Rước voi giầy mả tổ* (xem câu 6a).
d - *Ăn quả chẳng nhớ kẻ trồng cây.*
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây (EN, NVN, NL, TL).
Cả hai câu cùng có nghĩa. Ngày xưa trách người quên ơn, ngày nay khuyên người ta phải nhớ ơn. Cách nói khác nhau. Trách móc nhẹ nhàng hay dạy bảo trực tiếp.

Tranh 4

a - *Đãi cứt sáo lấy hạt đa.*
Đãi cứt sáo lấy hạt đa, đãi cứt gà lấy hạt tấm (NVN, NL, TL) .
Chê những kẻ quá hà tiện, quá bủn xỉn (NL)
b - *Rút giây động rừng* (người viết chữ nôm thay đổi cách viết : đọc từ trên xuống dưới, từ trái sang phải).
Rút dây động rừng (NVN).
Rút dây động dừng (Dừng là cốt để trát bức vách) (NL).
Rút dây sợ động rừng (TL).
Rút dây, chả xợ (sợ) động rừng (EN).
Ý nói : Đả động đến điều gì thì ảnh hưởng đến điều khác (NL).
Câu nói của EN có nghĩa ngược lại. Làm điều gì thì không nên sợ đụng chạm. Người xưa dũng cảm. Đáng được đưa vào sách ghi các thành tích.
c - *Chớ thấy sóng cả ngã tay chèo.*
Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo (NVN, TL).
Chớ thấy sóng cả mà rã tay chèo (NL).
Khuyên phải gắng vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ (NL).
d - *Đục nước (thì) béo cò* (EN, NVN, LĐ, NL, TL).
Lợi dụng tình trạng mâu thuẫn, lục đục để kiếm lợi (LĐ).
Ý nói : Vì xung đột lẫn nhau nên kẻ khác lợi dụng (NL).
e - *Cái tôm chẳng chật bể.*
Cái tôm chật gì bể (NL).
Cái (con) tôm có chật gì sông, cái lông có chật gì lỗ (TL).
Lời khiêm tốn của một người khi xin gia nhập một tập thể (NL).

Tranh 5

a - *Chơi (với) chó, chó liếm mặt* (LC, NVN, VNP, NL).
- *Chơi với chó, chó lờn mặt ; chơi với con nít, con nít dể ngươi*(LC).
Ý nói làm thân với kẻ xấu nhiều khi nó hại lại mình (NL).

Nhiều người thích ví von, ghép thêm một vế :

Chơi chó chó liếm mặt
Chơi gà gà mổ mắt (hoặc *Chơi cò cò mổ mắt, Chơi chim chim mổ mắt*). *Quảng tập viêm văn* không có câu *Chơi chó, chó liếm mặt.* Thay vào đó là câu *Nuôi cò, cò mổ mắt* (EN, LC).
Xưa kia nhiều nhà nuôi chó để ban ngày dọn dẹp cứt đái, ban đêm canh trộm. Dân ta coi chó là con vật đáng khinh, không ra gì. *Đồ chó* là một tiếng chửi. Để cho chó liếm mặt là bị... mất mặt, bị khinh thường ! Dân ta ngày xưa không chơi với chó. Cũng không có ai bế gà hay cò lên chơi để đến nỗi bị mổ mắt. Nuôi cò (?), nuôi gà để làm thịt thì có. Nuôi cò, nuôi gà, hay nuôi chó nghe hợp lí hơn là chơi cò, chơi gà, chơi chó. Ý nghĩa cũng sâu sắc hơn.
Ngày nay nước ta nhan nhản đại gia chơi chó kiểng. Đưa chó đi mĩ viện mài móng, tỉa lông. Được chó Bắc Kinh liếm mặt thì... Chao ôi, sao mà sướng thế. Đê mê như được bồ nhí xoa bóp, hôn hít.*Chơi chó chó liếm mặt* được các đại gia của thời kì toàn cầu hoá đánh giá là *Tốt với người thì được người đáp lễ lại*.
b - *Đốt nhà táng phủi tay*.
Vén tay áo sô, đốt nhà táng giấy (NVN, VNP, LĐ, NL, TL).
Nói con cái phá gia tài của cha mẹ để lại (NL).
Chi tiêu, sử dụng tiền tài phung phí, bừa bãi, không suy tính (LĐ).
Than phiền nạn các quan lãng phí của công. Tiêu tiền (của dân) như nước (lũ).
c - *Phượng hoàng ăn cứt gà* (đọc từ trên xuống dưới, từ trái sang phải).
Sáo đói thì sáo ăn đa,
Phượng hoàng lúc đói cứt gà cũng ăn (NVN, NL, TL).
Kẻ quí phái đến lúc sa cơ thì còn khổ hơn người bình thường (NL).
Chê bọn lúc túng làm càn. Sa cơ lỡ vận, thất sủng, sẵn sàng làm cả những việc tồi bại, mất danh dự.
d - *Qua rào vỗ vế* (NVN, NL).
- *Chưa qua dào (rào) đã vỗ vế* (EN).
Qua đò, khinh sóng (NVN, VNP, LĐ, NL, TL).
Qua sông, đấm bòi vào sóng (NVN, NL, TL).
Ý nói : Sau khi vượt qua một bước khó khăn, lấy làm vui mừng (NL).
Vui mừng thì vỗ tay chứ không vỗ vế (đùi). Vỗ đùi hay vỗ đít là tỏ vẻ coi thường. Câu nói có ý chê kẻ vừa thoát khỏi, thậm chí có khi chưa thoát khỏi bước khó khăn đã tỏ ra kiêu ngạo.
e - *Chơi chim chim mổ mắt*.
Cùng nghĩa và thường đi đôi với câu *Chơi chó chó liếm mặt* (xem câu 5a).

Tranh 6

a - *Rước voi giầy mồ* (NVN).
Rước voi giầy mả tổ (LĐ, NL, TL).
Rước voi về rầy (giầy) mồ (EN, LC).
Nghĩa giống câu *Cõng rắn cắn gà nhà* (xem câu 3c).
Câu nói ám chỉ bọn rước ngoại bang về sát hại đồng bào.
b - *Đánh chó đá*.
Đánh chó đá vãi cứt (NVN, NL).
Chê kẻ bất tài mà lại hay khoe khoang (NL).
c - *Trâu bò húc nhau.*
Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết (EN, LC, NVN, VNP, LĐ, NL, TL).
Ý nói: Khi kẻ trên học hặc nhau thì kẻ dưới bị thiệt lây (NL). Những kẻ mạnh xung đột, đánh

nhau, kẻ yếu bị liên luỵ tai vạ (LĐ).
Bọn vua quan, quyền thế bên trên đấu đá, tranh giành nhau thì chỉ khổ chỉ chết đám dân đen bên dưới.
d - *Qua cầu bỏ dịp.*
Qua cầu cất nhịp (NVN, NL)
Qua cầu rút ván (NL, TL).
Chê kẻ đã tiến lên rồi không muốn cho người khác tiến lên như mình (NL).

Tranh 7

a - *Đường cao núi quanh*.
Khen người không ngại khó khăn, vất vả.
b - *Nói rắn trong lỗ bò ra* (viết sai thành *Nói rắn trong bò lỗ ra*) (NVN, NL).
Nói con kiến trong lỗ cũng phải bò ra (LĐ, TL).
Khen người có tài khéo nói, dễ thuyết phục được người khác (NL).
c - *Cá lớn nuốt cá con* (NVN).
Cá lớn nuốt cá bé (LĐ, NL, TL).
Kẻ mạnh ức hiếp bóp chết kẻ yếu (LĐ).
Chê những kẻ có quyền thế bắt nạt, đàn áp người lép vế (NL).
d - *Chim chích ghẹo bồ nông*.
- *Chim chích mà ghẹo bồ nông,*
Đến khi (cơn) nó mổ lạy ông xin chừa (EN, LC, NL, TL).
Chê người yếu trêu người khỏe (NL).
Còn có câu :
- *Chớ thấy hùm ngủ vuốt râu*
Đến khi hùm dậy đầu lâu chẳng còn
Cả hai câu ca dao đều mang ý nghĩa tiêu cực. Trái với câu :
- *Châu chấu đá ông voi* (EN)
- *Châu chấu chống xe*
- *Nực cười châu chấu đá xe*
Tưởng rằng chấu ngã, ai dè xe nghiêng.
e - *Cắm sào sâu khó nhổ* (EN, NVN, NL, TL)
Đã quá đi sâu vào một việc gì thì khó gỡ ra (NL)
Khuyên người ta làm việc gì cũng phải nghĩ đến hậu quả, không nên cực đoan, thái quá. Đừng có *thiên lôi chỉ đâu đánh đấy*, có khi đánh trúng cả cha mẹ, anh em.
g - *Cá vàng bụng bọ* (EN, NVN, NL, TL)
Bên ngoài trông tốt đẹp, nhưng trong lòng xấu xa (NL).

Tranh 8

a - *Cầm chổi quét chùa* (cổng chùa có 2 chữ *Pháp môn*)
- *Con vua thì lại làm vua,*
Con nhà thầy chùa (con sãi ở chùa) lại quét lá đa (NVN, NL, TL).
Nói lên nỗi bất công trong xã hội phong kiến (NL).
Lên án nạn *cha truyền con nối*. Bọn có chức có quyền, giàu sang sung sướng thì cứ tiếp tục ăn trên ngồi trốc. Thấp cổ bé họng thì tiếp tục chịu cực, chịu khổ.
Ngày xưa dân gian gọi bọn *Con vua thì lại làm vua* là bọn *con cha cháu ông* (Génibrel). Ngày nay nói sai thành bọn *con ông cháu cha*.
b - *Đánh trống qua nhà sấm*.

Đánh trống qua cửa nhà sấm (EN, NVN, LĐ, NL, TL).
Bộc lộ trình độ vụng về, kém cỏi trước người hiểu biết, tinh thông hơn mình (LĐ).
Lời nói khiêm tốn tỏ rằng mình phải trình bày hoặc biểu diễn trước một cử toạ mà mình cho là giỏi hơn mình (NL).
Chê bọn *điếc không sợ súng*, huênh hoang độc diễn. Ta tài, ta giỏi, ta nhất... trong xóm ta. Chê bọn coi trời... nhỏ hơn cái vung.
c - *Nhăn như bà cốt uống thuốc*.
Bà cốt che mặt (NVN).
Bà cốt là người đàn bà làm nghề đồng bóng. Bọn đồng bóng, phù thuỷ lúc nào cũng tự nhận là con thần cháu thánh, có phù phép đuổi tà, trị bịnh... cho người khác. Đến khi chính mình bị bịnh thì chẳng thấy ông đồng bà cốt nào đuổi được tà, chữa được bịnh. Các ông, các bà cũng phải uống thuốc, mặt mày nhăn nhó như mọi người.
Vạch mặt bọn kiếm ăn bằng lừa dối, bằng mê tín dị đoan.
d - *Cầu Thích Ca ngoài đường*.
Bụt nhà không cầu, cầu Thích Ca ngoài đường (NVN).
Bụt chùa nhà không thiêng, đi (lại) cầu Thích Ca ngoài đường (EN, NL).
Bụt nhà không thiêng, đi cầu thích ca ngoài đường (TL).
Phê phán thái độ tự ti coi nhẹ khả năng của người mình, thích đi cầu cạnh người ngoài (NL).
Phê phán bọn sính đồ ngoại, chê đồ nội. Trong nhà có nước mắm Phú Quốc thì không ăn, chạy đi mua nước mắm Thái Lan. Chê trà Bảo Lộc, khoái trà Lipton v.v.

***
Ai cũng biết rằng thành ngữ, tục ngữ ít khi được nói, được hiểu theo nghĩa đen. Hầu như câu nói nào cũng phải hiểu theo nghĩa bóng. Làm sao vẽ được... nghĩa bóng? Chính vì vậy mà tranh minh hoạ tục ngữ rất... ngây ngô. Thậm chí vô nghĩa.
Tuy vậy, tranh minh hoạ tục ngữ cũng góp phần làm chứng nhân của một thời kì lịch sử. Làm chiếc cầu chuyển tiếp chữ nôm sang chữ quốc ngữ. Ngày nay xem lại, chúng ta thoáng hiểu một vài cách xử thế, dăm ba lời khuyên của người xưa.

Xưa cũng như nay... Sau luỹ tre xanh hay trước toà nhà cao tầng. Dưới trận mưa tầm tã hay giữa cơn nắng chang chang. Trong sạch nhẹ nhàng hay ô nhiễm bức xúc. Một câu hỏi luôn luôn được đặt ra : Cái gì nên vứt bỏ, cái gì nên trân trọng bảo tồn ?

(Lyon, 1/2011)

Sách tham khảo :

- Edmond Nordemann, *Chrestomathie annamite* (Quảng tập viêm văn), 1898, Nguyễn Bá Mão biên dịch và chú thích, Hội Nhà Văn tái bản, 2006.
- Léopold Cadière, *Croyances et Pratiques religieuses des Viêtnamiens*, 3 tập (1944, 1955, 1957), École Française d'Extrême-Orient tái bản, 1992.
- Nguyễn Văn Ngọc (NVN), *Tục ngữ, phong dao*, 1928, Mặc Lâm tái bản, 1967.
- Vũ Ngọc Phan (VNP), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, in lần thứ 8, Khoa Học Xã Hội, 1978.
- Nguyễn Lực, Lương Văn Đang (LĐ), *Thành ngữ tiếng Việt*, Khoa Học Xã Hội, 1978.
- Nguyễn Lân (NL), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Văn Hoá, 1989.
- Thuỳ Linh (TL), *Thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*, Lao Động Xã Hội, 2007.
- Trương Vĩnh Ký, *Chuyện đời xưa,* 1866, Sudasie tái bản, 1994.
- Maurice Durand, *Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO, 1960.

Tranh Tết *Hứng dừa*

Tranh Tết của ta có từ bao giờ? Câu hỏi sao mà ngây ngô, cộc lốc. Lại còn... khó trả lời. Nhiều học giả cho biết tranh Tết có từ... nhiều mốc thời gian khác nhau. Người thì dựa vào ghi chép của sử, người thì ngắm kèo, cột của mấy ngôi chùa cổ, để đi đến kết luận là dân ta biết khắc gỗ, biết in kinh Phật, từ thời Lí. Biết khắc, biết in tức là... biết làm tranh mộc bản. Từ đó có thể suy ra rằng tranh dân gian, trong đó có cả tranh Tết, đã xuất hiện từ thế kỉ 11. Người khác lại cho rằng tranh dân gian đòi hỏi một số tiêu chuẩn của "hội hoạ" như nét vẽ phải đa dạng, khắc in phải tinh vi... Các tiêu chuẩn mĩ thuật và kĩ thuật này phải chờ đến đầu thế kỉ 15, ta mới đạt được. Thời Hồ Quý Li, nước ta mới làm được tiền giấy. Nghề làm tranh dân gian có thể được ra đời và phát triển từ đây.

Cái mốc đầu thế kỉ 15 được nhiều làng làm tranh xê dịch, đặt vào giữa thế kỉ 15. Các làng này thờ Lương Như Hộc (người tỉnh Hải Dương, đỗ tiến sĩ năm 1442), người được công nhận là ông tổ của nghề làm tranh mộc bản. Gia phả của dòng họ Nguyễn Đăng ở Đông Hồ cho biết con cháu của dòng họ này nối tiếp nhau làm tranh dân gian từ hơn 500 năm nay. Đến nay đã được 20 đời (1).

Ghi chép và lí luận thì như vậy nhưng cụ thể thì... chúng ta không có trong tay một tấm tranh giấy nào có tuổi thọ được trên 200 năm. Theo Yves Laubie, thuộc Hội Truyền Giáo Paris thì tấm tranh cổ nhất của "hội hoạ Việt Nam" còn được lưu truyền đến ngày nay là tấm vẽ cảnh giáo sĩ và giáo dân bị chém tại Sơn Tây. Tranh được vẽ vào khoảng năm 1838, năm 1937 vẫn còn được treo tại phòng *Thánh tử vì đạo* của hội Hội Truyền Giáo Paris (2).

Bằng chứng cụ thể và chính xác nhất về tranh Tết mà chúng ta hiện có trong tay là bộ sưu tập *Technique du peuple annamite* (Kĩ thuật của người An Nam) của Henri Oger (3). Mấy tấm tranh *Gà*, tranh *Lợn*, tranh *Hứng dừa*, ta quen gọi là tranh Tết Đông Hồ, đều nằm trong bộ sưu tập này. Tranh do một nhóm thợ và các ông Nguyễn Văn Đăng (người Hải Dương), Phạm Trọng Hải (người Hưng Yên), Nguyễn Văn Giai, Phạm Văn Tiêu vẽ và khắc in năm 1908-1909 tại Hà Nội. Tranh chỉ có nét đen, không tô màu. Dựa vào bằng chứng cụ thể này thì có thể khẳng định rằng tranh *Gà*, tranh*Lợn*, tranh *Hứng dừa*... được ra đời tại Hà Nội, năm nay (Tân Mão, 2011) được 102 tuổi.

Tết về, khắp nước nhìn đâu cũng thấy hoa. Hoa tiền. Hoa hậu. Hoa liễu. Choáng váng, hoa cả mắt! Đề nghị bá quan văn võ tạm ngưng... chơi hoa. Chúng ta đi... chơi Tết. Cùng xem lại tấm tranh "nhạy cảm" *Hứng dừa*.

Hứng dừa của Oger vẽ một chàng trai trên cây dừa, đang hái quả thả xuống cho một cô gái đứng dưới đất. Cô gái vén váy lên hứng dừa. Cô gái đi chân đất. Dưới gốc dừa có một đứa bé đang leo cây, bị ông bố cởi trần ngăn lại. Hai bố con chân đi giày dép.

Đây là cảnh cha con phú ông sai người làm hái dừa.

Tranh có thơ nôm ở góc trên bên trái:

Khen ai khéo *nặn* nên dừa

Đấy trèo *đây* hứng cho vừa một đôi

Ba chữ *nặn, đấy* và *đây* được viết bằng chữ hán *nạn*, *đế* và *đê*.

Hứng dừa (1909) được đời sau sao chép nhiều lần. Chưa đến nỗi tam sao thất bản, nhưng cũng đã biến đổi, khó nhận ra nét... vẽ chữ nôm. Kết quả là *Hứng dừa* của sách *Tranh, tượng dân gian Việt Nam* (4), không giống *Hứng dừa* của sách*Tranh dân gian Việt Nam* (1), không giống *Hứng dừa* của "bàn tay vàng" Nguyễn Đăng Chế (tranh Đông Hồ, 1990).

Hứng dừa (Oger)

Hứng dừa (Nguyễn Đăng Chế)

Đối chiếu các tranh thì thấy vài điểm khác nhau :
- Tranh Oger đứng một phe. Tất cả các tranh khác đều vẽ ngược, phải thành trái, trái thành phải, so với tranh Oger. Điều này dễ giải thích : người ta đã vẽ lại tranh Oger trên ván, rồi khắc. Lúc in ra giấy, tranh trở thành ngược chiều với nguyên bản.
- Tranh sao chép có thêm một chùm 3 quả dừa.
- Câu thơ nôm được đổi thành :
Khen ai khéo *dựng* nên dừa
Đấy trèo đây hứng cho vừa một đôi
Chữ *dựng* nghe rất hay, nhưng cũng rất khó đoán theo mặt chữ.
Thỉnh thoảng có người đọc sai thành *Đây trèo đấy hứng* (4). Đọc như vậy vừa sai mẹo đọc chữ nôm, vừa sai cả mẹo... tâm lí. *Đây trèo đấy hứng* là lời người con trai trên cây nói với người con gái dưới đất. Chữ *hứng* chỉ có một nghĩa là đón đỡ quả dừa đang rơi thôi. Người con trai chỉ biết tả chân. Chả có thêm tình ý gì cả. Sao mà vô duyên thế!
Đấy trèo đây hứng là lời người con gái nói với người con trai. Chữ *hứng* bỗng có thêm nghĩa thứ hai là... cơn hứng. Ngước nhìn anh trên cao mà em... hứng quá trời. Hứng kiểu này thì chỉ có chính đương sự mới biết, mới nói lên được. Em đang kín đáo thổ lộ với anh đấy! Nhạy cảm ra phết! Câu thơ nặng trĩu chất trữ tình! Thâm thuý. Thú vị... chết đi được!
Tranh *Hứng dừa* được nhiều học giả phân tích, bình luận :
- Cái tình huống trong tranh "Hứng dừa" thật bất ngờ. Đôi trai gái đều duyên dáng, "hai mắt cùng nhìn, hai lòng cùng ưa", nhưng trong cách biểu đạt của cô gái, vừa có cái nhí nhảnh như múa, vừa có cái hớ hênh kéo thốc váy lên để "hứng dừa". (1)(tr.107).
- Ngắm tranh "Hứng dừa ", phải ở trong cái xã hội mà ức chế của tư tưởng nho giáo hết sức nặng nề, nó bắt "nam nữ thụ thụ bất thân", chiêm ngưỡng những nét và màu cứ phởn phơ, tươi rói, những động tác của cô gái có cái hớ hênh đáng yêu bộc lộ sự nhí nhảnh, hớn hở nhận hai

trái dừa của chàng trai từ trên cây dừa thả xuống, ta mới thấm thía hết hai câu thơ ở góc trên bên trái tờ tranh (*):
Khen ai khéo dựng nên dừa,
Đấy trèo đây hứng cho vừa một đôi
Một sự đòi hỏi giải phóng hạnh phúc lứa đôi, mà có lẽ người lao động chỉ tìm thấy ở xã hội trong tranh mới không nghiệt ngã (...).(1) (tr.112).

- Tranh "Hứng dừa" vẽ một người lên cây dừa hái quả ném xuống cho người ở dưới dơ váy lên hứng quả dừa. Người ở dưới mải mê hứng quả dừa, đã không nghĩ rằng khi tốc váy lên thì để hở cả cơ đồ ra, và quả dừa chỉ là lợi nhỏ, hở cơ đồ của mình ra là hại lớn. (5).
Các học giả chỉ mải mê nhìn ngắm cái hớ hênh phơi bày, cái lợi nhỏ, cái hại lớn, mà quên mất cái hứng kín đáo, rạo rực của cô gái.
Xét cho cùng, có phải cô gái chỉ thấy cái lợi nhỏ mà quên mất cái hại lớn như Toan Ánh (5) nhận xét không? Của đáng tội, chàng trai ở trên cây thì có thấy "cái gì trăng trắng như con cúi" (Nguyễn Khuyến) dưới cái váy đâu mà lợi với hại. Có chăng thì chỉ có phú ông đứng gần được rửa mắt thôi. Thế thì hỏng chuyện rồi. Cô nàng nhắm đối tượng khác à? Cô đang ỡm ờ định "chơi trèo" với chủ chăng? Hi vọng rằng cô không ôm đồm tính nước đôi như vậy. Cô chỉ thấy *đấy trèo*làm cho *đây hứng* thôi.
Kẻ lắm điều có thể thắc mắc : vì nỗi hứng cô gái mới tốc váy hay vì tốc váy mà cô thấy hứng? Câu hỏi khó như bài toán con gà và cái trứng. Chỉ có chính cô mới trả lời được.
Người xem tranh xin bái phục câu thơ dí dỏm, đa tình của nghệ nhân dân gian.

Leo dừa (Oger)

Trong như ngọc trắng như ngà (Durand)

Ngoài tranh *Hứng dừa* "nhạy cảm" của người lớn, sưu tập Oger còn có tranh *Leo dừa* hồn nhiên của trẻ con.
Leo dừa vẽ hai bé trai (?) hái dừa trên cây, hai bé gái dưới đất giơ tay hứng dừa. Ông bố đứng bên cạnh phe phẩy cái quạt, xem tụi nhỏ chơi đùa. Hai bé gái đều cởi trần. Một bé tốc cao váy, bé kia để tụt hẳn váy xuống đất. Trẻ con còn hồn nhiên, chưa biết thẹn.
Leo dừa cũng được đời sau, vào khoảng những năm 1925-1935, bắt chước, sửa đổi thành tranh *Trong như ngọc, trắng như ngà* (6).
Trong như ngọc, trắng như ngà có bố cục giống *Leo dừa* của Oger. Tranh vẽ hai cô gái (thay cho hai đứa bé con) tốc váy hứng dừa do hai chàng trai trên cây thả xuống. Xung quanh chỉ có một thằng bé con (thay cho ông bố) tay cầm một chùm dừa. Người vẽ muốn nói gì? Chẳng lẽ hai cô gái lại khoe *ngọc ngà* với thằng bé con? Hai chàng trai đầy nhựa sống đang ở trên cao, làm sao thấy được lối vào động đào? Hai cô gái muốn khoe của quý nhưng không gặp người sành điệu biết thưởng thức. Phí của trời!
Nguyễn Bá Lăng có nhận xét :
- *Tranh "Hứng dừa" vẽ hai người đàn ông đóng khố leo cây hái trái ném xuống cho hai người đàn bà kéo váy ra đỡ. Tranh đề: "Trong như ngọc, trắng như ngà "để tả cùi dừa và nước dừa nhưng cũng còn ám chỉ đến da dẻ người đàn bà*(7).
Durand đi xa hơn Nguyễn Bá Lăng, đưa ra nhận xét là mấy trái dừa lủng lẳng kia khiến người ta liên tưởng đến... ngọc hành, của quý của quý ông (Les noix de coco suggèrent les testicules d'homme) (6)! Gớm, sự táo bạo của Durand sao mà... to thế! Cứ đà tiến hoá này thì chả bao lâu cái của quý gia truyền (bijou de famille) kia sẽ... bùng nổ. Người Việt bẩm sinh vốn khiêm tốn. Thích những cái be bé xinh xinh. Được mân mê quả cam Bố Hạ là sướng rồi. Không dám mơ tưởng quả dừa to lớn của Durand.
Quả dừa được dân ta ví với một báu vật khác :
Con gái chơi với con giai,
Ngày sau cái vú bằng hai quả dừa.
Có chết thì chúng tôi đưa,
Bằng hai quả dừa cho trẻ nó chơi.
Thật ra thì *Trong như ngọc, trắng như ngà* chỉ là một ngộ nhận. Chẳng dính dáng gì đến cùi dừa, nước dừa hay ngọc hành. *Trong như ngọc, trắng như ngà* là lời Nguyễn Du ca tụng thân hình cô Kiều lúc tắm :
Rõ ràng *trong ngọc trắng ngà*
Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên
Nghệ nhân thấy hai đứa bé tụt váy, tốc váy của tranh Leo dừa cũng muốn đối cảnh sinh tình, bèn nhại lời cụ Nguyễn Du. Nhưng nhại... vô duyên. Thân hình của hai bé gái kia làm sao có thể ví với "một toà thiên nhiên" của cô Kiều? So sánh cô Kiều "vỗ bì bạch" với hai đứa bé chơi đùa tụt cả váy thì tủi cho cụ Nguyễn Du quá!
Tranh *Trong như ngọc, trắng như ngà* của Durand bắt chước tranh *Leo dừa* của Oger. Bắt chước một cách vụng về. Đổi trẻ con thành người lớn, bắt người lớn thành trẻ con. Đổi cái hồn nhiên thành cái gượng ép.
Bắt chước không khéo. Chơi chữ không đúng chỗ. Làm cho người xem tranh... bực cả mình ! Hết cả *hứng* với *leo*!

(Lyon, Tết Tân Mão, 2011)

(1) Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ, *Tranh dân gian Việt Nam*, Văn Hoá,1984, tr. 34.
(2) Yves Laubie, *Réflexions sur l'imagerie populaire au Tonkin*, Bulletins des Amis du Vieux Hue, 1-1937.tr. 79-92.
(3) Henri Oger, *Technique du peuple annamite* (Kĩ thuật của dân An Nam), 1909.
(4) *Tranh, tượng dân gian Việt Nam*, Nhà Xuất Bản Mỹ Thuật-Hà Nội, 1962, tr. 31.
(5) Toan Ánh, *Làng xóm Việt Nam*, Xuân Thu, tr. 409.

(6) Maurice Durand, *Imagerie populaire vietnamienne*, EFEO, Paris, 1960, tr. 6.
(7) Nguyễn Bá Lăng, *Phong tục Tết Việt Nam và các lân bang*, Đông Nam Á, 1986, tr. 201.
(*) Tấm tranh được Nguyễn Bá Vân và Chu Quang Trứ phân tích chép hai câu thơ ở góc trên bên phải. Chỉ có tranh Oger mới chép ở bên trái.

Nói có sách, mách có chứng

Thỉnh thoảng chợt nhớ mấy thằng bạn... Nhớ cái thời cắp sách đến trường, đạp xe lượn phố. Cái thời nhởn nhơ, lêu lổng mà ai cũng cho là đẹp. Đẹp " mười phân vẹn mười " nếu như...đừng có mấy trang *Kiều, Cung oán*...phải học thuộc lòng, mấy bài thơ, bài phú đầy điển tích bí hiểm. Và nhất là đừng có triết này triết nọ.

Tôi khổ sở vì môn Việt văn. Khổ từ dưới tiểu học lên đến trung học. Hết tập đặt câu, lại đến tập làm văn, rồi luận văn, bình văn. Hết " tiên học lễ, hậu học văn " lại đến " tri dị hành nan " hay " tri nan hành dị " ? Lần nào thầy cũng nhắc đi nhắc lại như cái máy là phải có ý, phải tìm cho ra một hai thí dụ, phải biết trình bày mạch lạc. Phải...phải như vậy mới được. Toàn những cái " phải " khó nhai. Tôi được các thầy để ý, thay phiên nhau cảnh cáo, mắng phạt. Lúc đầu còn ngượng, còn sợ. Sau thành quen. Trơ cả mặt.

Có lần đầu bài được ra bằng...tiếng Việt : *Nói có sách, mách có chứng*! Hí hửng tưởng phen này sẽ không bị...táo bón. Nhưng rốt cuộc vẫn tắc tị như thường. Đã đến nước này thì phải...liều !

Đến bữa cơm chiều, tôi thu hết can đảm mang bài ra hỏi cả nhà. Ồ chuyện lạ ! Cả nhà ngạc nhiên thấy tôi để ý đến chuyện học. Mả nhà mình phen này đến kết mất thôi.

Ông đừng đùa, nó lại thôi không hỏi nữa bây giờ. *Nói có sách, mách có chứng* nghĩa là...không được ăn nói như mày.

Bà giảng như vậy làm sao nó hiểu được. Ăn nhanh lên, chốc nữa tao giảng cho.

Tôi yên tâm nhưng không khỏi bực mình vì chốc nữa sẽ bị chôn chân. Không khéo thì mất toi cả buổi tối. Tưởng là bố mẹ giảng cho trong lúc ăn. Biết vậy đừng hỏi có hơn không? Tôi thầm trách tôi sao mà dại thế.

Bố giảng : *Nói có sách, mách có chứng* nghĩa là ăn nói phải có bằng cớ, bằng chứng. Nếu mày cứ bô bô là " Nước ta giàu có, rừng vàng biển bạc " mà không chứng minh gì cả thì như vậy chỉ là nói suông, nói không có bằng cớ. Không phải là *Nói có sách, mách có chứng*.

Nếu mày nói rằng có sách này, sách kia viết rằng rừng nước ta chiếm bao nhiêu diện tích, bao nhiêu cây số vuông, có bao nhiêu thứ gỗ quý, nếu có đủ người đủ máy móc để khai thác thì có thể đem lại bao nhiêu tiền bạc. Tác giả nào cho biết vùng biển nước ta dài rộng bao nhiêu cây số, có bao nhiêu cá, nếu có đủ người đủ tàu đánh bắt thì sẽ đẻ ra được bao nhiêu tiền.

Đưa ra bằng chứng, rồi mới kết luận " Nước ta giàu có, rừng vàng biển bạc ". Như vậy gọi là *Nói có sách, mách có chứng.*

Nói chung, muốn kết tội hay gỡ tội cho ai thì cũng phải đưa ra bằng chứng rõ ràng. Nhưng moi đâu ra bằng chứng ?

Phải đọc sách.

Tôi có cảm giác như người lạc đường bỗng nhận ra cái cây, cái quán quen quen. Dường như tôi bắt đầu lờ mờ hiểu. Lần ấy tôi được điểm trên trung bình. Sướng ơi là sướng. Mới có vậy thôi mà tôi đã vác mặt lên, khinh khỉnh nhìn mấy đứa...không hiểu chúng nó ăn gì mà dốt thế ! Tự hào chưa được bao lâu, tôi lại bị đẩy lùi về cái gốc dốt của mình. Đầu bài bây giờ là *Tận tín thư bất như vô thư*.

Khổ chưa! Lại chữ nghĩa thánh hiền ! Tôi chỉ hiểu chữ thư là...thư từ ! Tín thư là...thư tín. Tàu và ta nói ngược nhau. À ! Lại chuyện thư từ trai gái gì đây !

Bốp ! Bị thầy bợp tai, váng cả óc. Cả lớp cười ầm như vỡ chợ.

Tôi không ngượng. Bị phạt, bị mắng quen rồi. Chỉ tức bọn đánh hôi. Chúng mày đồng hội đồng thuyền với ông, hơn gì ông mà cũng nhe răng ra cười nham nhở.

Tiên sư chúng mày. Chỉ giỏi a dua.

Thầy nghiêm giọng khuyên tôi bớt đọc tiểu thuyết nhảm nhí.

Cả lớp nghe đây ! *Tận tín thư bất như vô thư* là câu nói của Mạnh Tử, nghĩa là " Đọc sách mà tin sách đến cùng thì không bằng không đọc sách ". Ới cụ Mạnh ơi, sao cụ ác thế ! Chiều hôm ấy tôi lại phải cầu cứu bố. Nghe bố giảng, tôi ù ù cạc cạc, có cảm tưởng như bố nói ngược lại lần trước. Bố kiên nhẫn giảng lại. *Nói có sách, mách có chứng* nhưng phải kèm thêm điều kiện là sách viết đúng, chứng cớ không sai. Nếu mày cứ dựa vào một quyển sách viết sai mà gân cổ lên cãi thì còn tệ hơn là mày không đọc quyển sách ấy. Không biết còn hơn là biết sai, hiểu chưa?

Dạ hơi hiểu. Nhưng làm gì có sách viết sai ?

Có chứ. Cụ Nguyễn Du chỉ viết một bản *Kiều*, thế mà ngày nay lại có mấy bản khác nhau. *Chinh phụ ngâm* cũng vậy. Thậm chí người ta còn chưa biết chắc ai là tác giả của bản *Chinh phụ ngâm* mày đang học đây này. Cái tệ của người mình là hay sửa thơ văn của người khác. Cứ tự tiện cho rằng mình hiểu câu thơ, câu văn hơn chính tác giả. Cuốn *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử mỏng dính, thế mà khắp thế giới có tới cả trăm bản dịch khác nhau. Mỗi người hiểu một cách. Thế nào chả có người đúng, người sai.

Cùng một bài thơ mà được gán cho hai ba tác giả thì chắc chắn phải có người sai rồi. Nhưng làm thế nào để biết là sai ? Mày được thần linh gà cho hay sao mà hôm nay đặt được câu hỏi hay thế ? Phải nghe nhiều người nói, phải xem nhiều sách thì mới thấy ai đúng ai sai.

Thế còn người đầu tiên thì sao?

Đến lượt bố tôi không hiểu tôi muốn nói gì.

Dạ, người đầu tiên nói điều gì thì phải dựa vào sách nào ?

Mày hỏi thật hay hỏi cù nhầy để chọc tức tao ?

Dạ, con hỏi thật.

Câu hỏi của mày khó trả lời. Muốn biết người đầu tiên nói đúng hay sai thì phải chờ thời gian mới biết được. Lâu ngày mà không có ai phản đối, nói khác thì có thể được coi là đúng. Đúng tới ngày nào có người vạch ra chỗ sai. Nguy hiểm nhất là người đầu tiên nói sai rồi người khác lặp lại như đàn vẹt. Đây cũng là *Nói có sách, mách có chứng* nhưng phải xếp vào loại nấp sau sách, sau cái bung xung để...nói bậy.

Hoang mang quá! Đọc sách để học, để biết. Nhỡ đọc phải sách viết sai thì hoá ra học sai, biết bậy. Đúng rồi ! Đúng là...đừng học, đừng biết còn hơn ! Kết luận của tôi chắc như đinh đóng cột nhưng phải công nhận rằng chỉ có bọn lười, bọn dốt mới tán thành. Rốt cuộc học hay không học cũng như nhau à? Chả còn biết trời đất ra sao nữa.

Mày có biết ông Lê Lợi là ai không? Dạ biết.

Khá lắm ! Sử chép rằng ông Lê Lợi cùng 18 đồng chí tổ chức lễ thề Lũng Nhai, cùng nhau đứng lên cứu nước. Tất cả các gia phả của các dòng họ đều chép tên 18 vị anh hùng. Có thể coi con số 18 là đúng. Thế nhưng, nếu cộng hết những tên có trong các gia phả thì số người dự lễ thề Lũng Nhai lại nhiều hơn 20. Như vậy là rõ ràng có gia phả chép sai, cố ý bỏ tên người khác và thay thế bằng tên tổ tiên mình vào danh sách 18 người. Lấy lí mà nói thì gia phả là tài liệu đáng tin cậy nhất. Nhưng mục đích của gia phả là ca tụng đức hạnh, công trạng của tổ tiên. Bởi thế cho nên bao giờ gia phả cũng kể toàn chuyện hay, chuyện đẹp. Đôi khi phải bịa thêm chuyện hay, chuyện đẹp. Gán cho tổ tiên vinh dự này, vinh dự nọ. Chính vì vậy mà hội thề Lũng Nhai mới có hơn 20 tên người tham dự, thay vì chỉ có 18.

Làm như vậy để làm gì ?

Xưa kia, dòng họ nào có tổ tiên là khai quốc công thần, phò vua từ ngày đầu, thì con cháu được ban thưởng, cất nhắc. Chẳng qua cũng chỉ vì danh lợi mà phải gian lận cả với lịch sử. Làm thế nào để biết ai giả ai thật ? Đơn giản thôi. Nhưng các sử gia vẫn còn cả nể, sợ đụng chạm...Thôi ! Lấy giấy bút ra làm bài đi ! Trước khi " tha " tôi, bố còn khuyên dặn mấy điều. Tôi sốt ruột, dạ dạ vâng vâng cho xong chuyện. Mới đây có dịp đọc sử, tôi sực nhớ câu chuyện bỏ dở năm nào.

18 vị anh hùng Lũng Nhai là những ai ?

" Không thầy đố mày làm nên ". Dạ ! " Học thầy không tầy học bạn ". Ủa ! Không thầy...khỏi bị mắng, bị phạt. Ồ ! Tội gì không mạn phép thầy, thử dùng " mẹo ". Đọc gia phả của dòng họ X thì tạm để tên ông tổ họ X sang một bên và chỉ giữ lại những tên không thuộc dòng họ X. Tên nào được nhiều gia phả, tốt nhất là được tất cả các gia phả cho phép giữ lại thì tên ấy mới thật đáng tin. Tên nào chỉ thấy trong gia phả của dòng họ X, không thấy ở gia phả nào khác, thì không đáng tin.

Thí dụ tên hai ông Lưu Trung và Phạm Cuống (cha và anh rể của Lưu Nhân Chú). không có trong gia phả nào khác ngoài gia phả họ Lưu. Vậy nên xem là hai ông không dự lễ thề Lũng Nhai. Trái lại, tên Lê Lai, Nguyễn Trãi v.v. có trong gia phả của dòng họ Lê Sát, Đỗ Bí, Lưu Nhân Chú...Có thể kết luận được rằng mấy vị này có dự lễ thề Lũng Nhai. Chỉ cần tra cứu vài gia phả là tìm ra được 18 vị anh hùng.

Hiện nay, các nhà sử học nước ta đã có nhiều gia phả trong tay. Muốn tìm ra sự thật chắc không khó. Cái khó cần phải vượt qua là phải dẹp bỏ thành kiến, tự ái cá nhân. Mặt khác, gia phả không bao giờ chép những điều không hay. " Tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại ". Ai muốn tìm hiểu Lê Quý Đôn gian lận thi cử cho con trai mình và bị phạt ra sao thì đừng mất thì giờ tìm kiếm trong gia phả của dòng họ Lê Quý Đôn. Thậm chí đừng tìm kiếm trong cả mấy cuốn sách thời nay viết với mục đích ca tụng Lê Quý Đôn. Cũng may là sử nhà Nguyễn có ghi chép sự việc này và một vài học giả nghiêm túc có nhắc lại. Nhờ vậy mà đám trẻ đời sau mới biết.

Có một bí ẩn mà hầu như sử gia nào cũng cố né tránh như sĩ tử đi thi tránh...phạm huý. Đó là cái chết của ông Lê Lai.

Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên chép năm 1427, một năm trước khi Khởi nghĩa Lam Sơn thành công, ông Tư mã Lê Lai cậy có công, ăn nói ngạo mạn, bị Lê Lợi giết. Đời sau không biết gì thêm về ông Lê Lai này.

Ngược lại, ông Lê Lai đổi áo cứu Lê Lợi năm 1419 thì được tới bốn dòng họ khác nhau khắc bia, viết gia phả, nhận là tổ tiên mình (Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, *Khởi nghĩa Lam Sơn*, Khoa Học Xã Hội, 1977, tr. 154-158) .

Đấy là chưa kể ông Lê Lai thứ năm là...anh cả của Lê Lợi, Lê Thạch và Lê Thiện ! (M. Bougier, *La pagode des Lê à Thanh Hoa*, *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, số tháng 7-9, 1921, tr. 137). Chỉ có *Đại Việt sử kí toàn thư* là không nhắc tới ông Lê Lai này.

Con cháu không ghi chép tổ tiên bị vua giết là chuyện dễ hiểu. Con cháu phóng bút khoe tổ tiên mình chết thay vua, mặc dù sách do chính nhà vua viết không hề nói như vậy, (Nguyễn Diên Niên, Lê Văn Uông, *Lam Sơn thực lục*, Ty văn hoá Thanh Hoá, 1976, tr. 241), thì cũng là...chuyện dễ hiểu. Ai dám phản đối? Anh biết chuyện nhà tôi hơn tôi à ? Có giỏi thì "con kiến kiện củ khoai" xem ai có lí ! " Thấy người sang bắt quàng làm họ " chỉ có lợi, cùng lắm là...hoà. Chưa thấy ai bị đánh thuế hay bị tù vì...viết gia phả không đúng sự thật. Xin lỗi, văn hoa không đúng chỗ. Bình dân gọi thẳng là...nói phét không sợ bị phạt. Đôi lúc gia phả được các nhà sử học tiếp tay, làm...điên đầu người đọc : Tìm hiểu *Gia đình Lê Lợi trong khởi nghĩa Lam Sơn* (*Lê Lợi và Thanh Hoá trong khởi nghĩa Lam Sơn*, Thanh Hoá,1988), Trần Bá Chi cho biết :

Hai ông Đinh Lễ và Đinh Liệt là người sách Thuỷ Cối, thuộc Lam Sơn (...). Thân phụ của Lễ và Liệt là Đinh Thế Biểu. Vợ của ông (Biểu) là Trần Thị Ngọc Huy, con gái Trần tướng công ở xã An Lão, huyện Thư Trì (Thái Bình)(tr. 219).

(...)

Về sau, con cả (của Ngô Kinh) là Ngô Từ kết duyên với cháu Lê Lợi là Đinh Thị Ngọc Kế, Ngọc Kế là em gái Đinh Lễ, nên Ngô Từ lại gọi Lê Lợi bằng cậu (tr. 220).

Cùng lúc, Lê Huy Trâm đề cập *Về một dũng tướng Lam Sơn cần được hiểu biết thêm* (sđd, tr. 240) lại cho biết :

Đinh Lễ đẻ ra Đinh Thế Biểu. Ông Biểu lấy bà Trần Thị Huy là con gái Trần Nhật Duật đẻ ra Đinh Thị Ngọc Kế. Vậy Ngô Từ là cháu rể Đinh Lễ. Đinh Lễ này khác với Đinh Lễ hy sinh trong trận tiến công trại Quan Du trong năm Canh Tý(tức là ông Đinh Lễ được Trần Bá Chi tìm hiểu).

Người đọc dễ tính nhất cũng phải thắc mắc :

Hai ông Đinh Lễ là một hay một ông Đinh Lễ hoá thành hai ? Đinh Lễ là con hay là cha của Đinh Thế Biểu ? Đinh Thị Ngọc Kế là em gái hay là cháu nội của Đinh Lễ ?

Trần Bá Chi và Lê Huy Trâm đã dồn Đinh Lễ vào chỗ...không lối thoát !

Gia phả nào viết đúng, gia phả nào viết sai ? Chắc chắn là không thể tin cả hai gia phả được ! Cũng không nên vội vã loại trừ khả năng cả hai gia phả cùng viết sai !

Tận tín thư bất như vô thư là vậy !

Ngày nay, nhiều gia phả chép trống không rằng ông tổ của họ là Nguyễn Hoàng, là Nguyễn Trãi, là vua này chúa kia. Nếu không kê khai đủ các đời thì ai dám quả quyết rằng đúng hay sai ? Ngày xưa gia phả chỉ chép lui lại 3, 4 đời là nhiều. Một trăm năm kể cũng đã khá xa, tam sao thất bản có thể đã bắt đầu. Huống hồ năm trăm năm.

Chả nói đâu xa. Chắc nhiều người trong chúng ta còn nhớ tên ông Trần Thanh Mại. Tên ông gắn liền với cuốn *Trông giòng sông Vị*, viết về Tú Xương, được dùng làm tài liệu giáo khoa bậc trung học của những năm 1950. Trần Thanh Mại được Nguyễn Công Hoan coi là " *một chuyên gia về Tú Xương* ".

Năm 1961, Trần Thanh Mại cùng Trần Tuấn Lộ viết thêm cuốn *Tú Xương, con người và nhà thơ* (nhà xuất bản Văn Hoá).

Trần Thanh Mại và Trần Tuấn Lộ *"đã cố đề cao Tú Xương nên phải gán ghép một cách gượng gạo, vô lý, đến nỗi phạm đầy rẫy những mâu thuẫn rất khôi hài.*

Hai tác giả không những gán cho Tú Xương là quen các nhà cách mạng, còn gán cho nhà thơ là nghèo, thậm chí lại gán cả thơ của người khác cho nhà thơ Tú Xương nữa ".

(...)

" Trước khi tạm dứt lời, tôi xin tỏ một chút ý nghĩ, ý nghĩ khá buồn. Là ít lâu nay, các nhà nghiên cứu văn học của ta đương mắc phải một bệnh mới, khá phổ biến, là bệnh đề cao quá mức người chết rồi mà được sùng bái. Vì đề cao không đúng sự thật, cho nên nhà nghiên cứu phải liều mà gán ghép cho người được sùng bái một cách gượng gạo, vô lý, đến nỗi để lộ ra những mâu thuẫn mình với mình y như là khôi hài. Mà làm việc kiểu ấy, nhiều nhà nghiên cứu vô tình đã hạ thấp giá trị của người được sùng bái ".

(Nguyễn Công Hoan, *Con người Tú Xương* trong *Tuyển Tập Nguyễn Công Hoan*, tập 3, Văn Học, 1986, tr. 223-240).

Thật ra thì Trần Thanh Mại và Trần Tuấn Lộ đã viết theo gia phả của dòng họ Trần Tế Xương, có trong sách *Văn thơ Trần Tế Xương* (Bộ Giáo Dục, 1957) của Hoàng Ngọc Phách, Lê Thước và Đỗ Đức Hiểu.

Vô tình những điều sai trong gia phả dòng họ Tú Xương đã được các học giả Hoàng Ngọc Phách, Lê Thước và Đỗ Đức Hiểu đem đi phổ biến. Đến lượt các nhà phê bình và nghiên cứu văn học Trần Thanh Mại và Trần Tuấn Lộ lặp lại những điều sai này và đem truyền bá rộng

rãi hơn lên. Nguyễn Công Hoan ngờ rằng chính Trần Tất Đạt, con trai Trần Tế Xương, đã bịa đặt, tô hồng để biến cha mình thành một người quen thân các nhà cách mạng Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền v.v.

Hôm nghe bố giảng *Tận tín thư bất như vô thư* xong, tôi nghịch ngợm hỏi :
Bố ơi, nhà mình có gia phả không ?
Không ! Họ nhà mình không có ai làm to, nổi tiếng. Chả có gì đáng để ghi chép.
Tại sao bây giờ bố không viết ?
Viết cái gì cơ chứ ?

Cứ phịa đại ra là bên nội của mình là dòng Nguyễn Huệ, bên ngoại là dòng Nguyễn Du. Văn võ song toàn cho nó oai. Rồi thời Pháp, thời Nhật. Thiếu gì chuyện để...bịa ! Coi chừng, chớ có đùa dai như vậy. Biết đâu một ngày kia đến tai các nhà sử học, họ lại dựa vào đấy để chứng minh và tìm ra liên hệ gia đình của Nguyễn Huệ và Nguyễn Du thì phiền lắm.

Thôi đừng nói chuyện vớ vẩn nữa. Mày phải bớt lêu lổng, chịu khó học hành. May ra sẽ khá. Nhưng tôi không gặp may. Không khá nổi môn Việt văn. Mấy kì thi lần nào cũng chỉ trông mong vào môn toán để bù cho văn chương triết lí. Mấy môn còn lại thì cố làng nhàng! Vốn liếng văn chương của người khác thì phải lấy bồ, lấy va li mà chứa mới xuể. Còn vốn của tôi thì chắc chắn không cần đến cái chai bia 33 để đựng. Ngay cả bao thuốc lá Cotab cũng chưa chắc đã được lưng lưng.

Trớ trêu thay, đến khi trên đầu lốm đốm hai thứ tóc, rồi tóc bắt đầu rụng dần, thì tôi trở chứng. Thấy xung quanh xì xào chuyện sách vở chữ nghĩa, tôi tò mò...bắt chước.

Bây giờ đọc sách không phải để làm bài, đi thi. (Xin phép mấy thầy dạy Việt văn, cho con được thở phào một cái rất ư là nhẹ nhõm !). Bây giờ đọc để biết chuyện trên trời dưới đất. Nói một cách trang trọng là đọc để mở rộng kiến thức. Khiêm tốn thì nói là đọc để cho bớt ngu. Được tí nào hay tí ấy. Muộn còn hơn không !

Đọc sách để mỉm cười ngắm cái " lá diêu bông " của Hoàng Cầm đã được một nhà khoa học lặn lội tìm ra được ! Để lạc theo ngòi bút điêu luyện, uyển chuyển như rắn, như lươn. Để rơi tõm vào bát quái trận đồ của các nhà phù thuỷ của ngôn từ...

Không ngờ đọc sách lại thú vị như vậy.
Đọc sách thú lắm bà con làng nước ơi !
Học được nhiều điều hay, lắm điều lạ. Bớt cả tin, bớt thành kiến.
Càng đọc càng thấy phải đọc thêm.
Đọc sách để biết *Nói có sách, mách có chứng* !
Đồng thời để hiểu rằng *Tận tín thư bất như vô thư* !

Hoá ra đọc sách cũng phải cẩn thận như người hát xiệc, đi trên giây ! Loạng quạng, mất thăng bằng là té nhào !

Thời gian và cái đồng hồ

Thời gian, thì giờ là một đề tài xưa như trái đất và to như cái đình !
Không có thời gian thì có lẽ con người cứ trơ trơ như đá. Sướng, khổ chẳng còn bận tâm. Biết đâu cuộc đời lại chẳng còn là cuộc đời... Bàn về thời gian thì có thể bàn...hết năm này sang năm khác, bàn cho đến khi " Trai trẻ bao lâu mà đầu bạc "...cũng chưa chắc đã đi tới đâu. Nhưng vẫn thích bàn. Triết gia, nhà khoa học, văn nghệ sĩ ngày ngày thi nhau bàn.

Thời gian là cái gì mà làm cho người ta say mê bàn như vậy?
Chả là cái gì cả ! Chưa ai thấy mặt mũi thời gian ngang dọc ra sao. Nhưng phải nhắm mắt thừa nhận rằng thời gian rất hấp dẫn, rất quan trọng. Chả thế mà khắp đông tây nam bắc, từ thời thượng cổ đến tận bây giờ, người ta thi nhau sáng chế máy này máy nọ để đo thời gian. Người

ta rủ nhau đi đo cái vô hình vô ảnh. Đo cái mà mắt trần không thấy được. Các thứ máy đo thời gian, thô sơ hay tinh xảo, to hay nhỏ, ta đều gọi chung là *đồng hồ*.

Theo truyền thuyết thì người Trung Quốc đã biết dùng *đồng hồ nước* từ đời Hoàng Đế (khoảng 2500 năm trước tây lịch). Một nghìn năm sau (1500 năm trước tây lịch), người Ai Cập mới sáng chế *đồng hồ cát*(clepsydre). Phải chờ thêm hơn 2000 năm nữa, vào khoảng năm 1300 tây lịch, người Âu mới có *đồng hồ có bánh xe*. Năm 1904 xuất hiện *đồng hồ đeo tay*, và mới từ vài chục năm nay lại có thêm *đồng hồ quartz, đồng hồ điện tử, đồng hồ nguyên tử*.

Đồng hồ nước, đồng hồ cát mỗi giờ sai một hai phút đã được gọi là tốt, là chính xác. Đồng hồ đeo tay, đồng hồ quartz một ngày sai vài giây đã bị chê là tồi. Nghe nói đồng hồ nguyên tử có tệ lắm thì một năm cũng chỉ sai chưa tới một giây. Có lẽ chả bao giờ các ông các bà ngồi bàn giấy phải dùng tới đồng hồ nước để tiếp khách. Các cô các cậu chẳng cần đồng hồ nguyên tử để hẹn hò ! Chuyện ngày giờ, năm tháng, lịch ta lịch tây mênh mông bát ngát quá (Hoàng Xuân Hãn, *Lịch và lịch Việt Nam*, Tập san Khoa Học Xã Hội, Paris, tháng 2/1982), không dám nói leo. Chỉ xin dựa cột, ngắm cái đồng hồ được dùng tại nước ta.

Vậy xin hỏi nước ta biết dùng đồng hồ từ bao giờ ?
Dạ, không biết ! Vô duyên !

Chỉ biết rằng xưa kia ta dùng *đồng hồ nước* của Tàu. Nguồn gốc cái đồng hồ này được Lê Quý Đôn kể như sau :

" Cái đồng hồ gồm có 3 từng, tròn và đều có bề kính 1 thước đặt trên cái thùng hứng nước có góc vuông, có cái vòi rồng phun nước vào cái thùng hứng nước, nước chảy xuống dưới một cái cừ đặt ngang, trên nắp có đặt một hình người đầy đủ áo mão đúc bằng vàng gọi quan Tư Thì (coi về giờ khắc), hai tay cầm một cây tên. Đó là phép lậu khắc của Ân Quỳ.
Lấy đồng làm một cái ống hút nước (khát ô, con quạ khát nước) hình trạng giống như một cái móc uốn cong dẫn nước chứa đựng cho chảy vào một cái vòi rồng bằng bạc, phun vào cái đồ tưới (quán khí), nước rỉ chảy xuống 1 thang cân nặng 2 cân thì trải qua một khắc. Đó là phép lậu khắc của Lý Lan ". (Lê Quý Đôn, *Vân Đài loại ngữ*, tập 1, bản dịch của Tạ Quang Phát, Văn Hóa-Thông Tin, 1995, tr. 98-100).

Cái *đồng hồ nước* được Lê Quý Đôn miêu tả chữ Hán gọi là *khắc lậu*.
Lậu nghĩa là nước rỉ ra, *khắc* là vệt khắc trên cái que.
Nước từ bình trên rỉ thành giọt rơi xuống bình dưới. Dùng một cái que có khắc vạch để đo mực nước và theo đó mà tính giờ. Một ngày được chia thành 12 giờ (tí, sửu...tuất, hợi). Giờ được chia thành khắc (một khắc gần bằng 15 phút của đồng hồ ngày nay). Đêm được chia thành 5 canh (canh một, canh hai...). Làng xã ngày xưa tổ chức việc canh gác, đổi phiên theo canh.

Trong lĩnh vực văn chương, có lẽ Nguyễn Trãi (1380-1442) là người đầu tiên tại nước ta, nói tới cái *khắc lậu* (gọi tắt là lậu) :

Vi sảnh thoái qui hoa ảnh chuyển
Kim môn mộng giác lậu thanh tàn

(Khi ở Vi sảnh lui về thì bóng hoa đã chuyển
Ở Kim môn mộng tỉnh thì tiếng lậu đã tàn)
(*Nguyễn Trãi toàn tập*, KHXH, 1976, tr. 301-302).

Sau Nguyễn Trãi, vua Lê Thánh Tông cũng có nói tới cái *khắc lậu*:

Kế lậu canh mấy khắc dư
Đêm dài đằng đẵng mới sang tư ...
Canh chầy đèn hạnh lâm dâm
Xao xác lậu canh trống điểm năm...
(*Hồng Đức quốc âm thi tập*, Văn Học,1982, tr. 61-62)

Sang thế kỉ 18, *khắc lậu* vẫn còn được dùng :

Đêm thâu khắc lậu canh tàn
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương
(Nguyễn Du, *Kiều*)

Taberd giải thích *khắc* là cái mặt đồng hồ ngày xưa; *Khắc lậu* là mặt của chiếc đồng hồ bằng nước. (Đào Duy Anh, *Từ điển truyện Kiều*, KHXH, 1989).
Người Tàu gọi cái đồng hồ nước là khắc lậu trong khi Taberd lại cho rằng khắc lậu chỉ là cái mặt của đồng hồ. Tây đúng, Tàu sai hay Tây nhầm, Tàu có lí? Phải nhờ đến Ta chuyện mới xong!

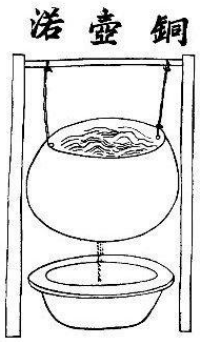

Đồng hồ nước

Tấm tranh dân gian *Đồng hồ nước* cho thấy hai cái bình, hay cái bình và cái chậu hứng, cả hai đều tròn xoay, đứng phía nào cũng thấy giống nhau. Như vậy thì đâu là mặt, đâu là lưng?
Các tác giả đều dùng chữ *lậu* hay *khắc lậu* để chỉ toàn bộ cái đồng hồ, cái máy đo thời gian, chứ không chỉ riêng cái mặt đồng hồ.
Định nghĩa của Taberd thiếu chính xác. Hú vía cho Tàu ! Suýt bị Tây sửa Hán văn. Lục tìm trong một số thơ văn xưa của ta thì thấy rằng tên *khắc lậu* được dùng trong cả thơ văn chữ Hán và chữ Nôm, còn tên *đồng hồ* thì chỉ thấy dùng trong văn thơ Nôm và quốc ngữ.
Từ đó có thể suy đoán rằng tên *đồng hồ* là do người Việt đặt ra.
Đồng hồ nghĩa là cái bình bằng đồng. Từ ngày cái *khắc lậu* Việt Nam được làm bằng đồng thì ta gọi nó là cái *đồng hồ*. Tên *đồng hồ* có trễ nhất cũng là từ đời Hồng Đức (1470-1497).
Cường điệu một chút thì có thể nói rằng cái *đồng hồ* muốn chứng tỏ tinh thần độc lập đối với cái *khắc lậu*.

Nước cạn đồng hồ canh chuyển hai
Đêm dài đằng đẵng tựa năm dài
(*Hồng Đức quốc âm thi tập*, sđd, tr.64)

Mắt chưa nhắm đồng hồ đã cạn
Cảnh tiêu điều ngao ngán dường bao
(Nguyễn Gia Thiều, *Cung oán*)

Con kì đà len lỏi giếng khơi
Sơn lâm rầu rĩ, giọt đồng hồ sang canh
(*Dân ca Quan họ Bắc Ninh*)

Cá buồn cá lội thung thăng
Người buồn, người biết đãi đằng cùng ai?
Phương đông chưa rạng sao mai
Đồng hồ chưa cạn, biết lấy ai bạn cùng?
(*Ca dao*)

Nước cạn, giọt đồng hồ...đều chỉ rõ cái đồng hồ nước.
Năm 1602, người Âu Tây mang vào Trung Quốc một số máy móc như Thiên lý kính (kính xem thiên văn), Tự minh chung (đồng hồ tự động khua chuông báo từng giờ)... (*Vân Đài loại ngữ*, sđd, tr. 223). Khoảng đầu thế kỉ 18, *tự minh chung* xuất hiện ở nước ta. *" Từ-tâm bá ở Thiên văn nội viện trước có một cái đồng hồ do họ Nguyễn giao cho sửa chữa, như dáng chùa Phật, cao chừng một thước (...).*
Từ-tâm bá lần lữa đến bao năm không chịu chữa. Tháng 5 năm bính thân có người khách ở Ma Cao tên là Tài Phú nói y hiểu đồng hồ, gọi hỏi thì y nói tuổi già không thể làm được. Lại có người xưng là thợ kính của họ Nguyễn trước là thủ hợp Chiêu-tài nam Nguyễn Văn Tú có thể làm được, bèn sai theo phép mà làm, mười ngày thì xong. Văn Tú lại chế tạo một cái đồng hồ hạng trung, cũng theo thức trên, trong bớt đi 5 bánh xe và 6 quả chuông nhỏ, cùng một đường dây, cho nên không đánh khắc mà chỉ đánh giờ. Đo với bóng của mặt trời mà nghiệm thì rất đúng, không sai. Văn Tú là người xã Đại Hào, huyện Đăng Xương. Khi nhỏ học ở nước Hòa Lan, học hai năm biết được nghề, có thể chế các hạng đồng hồ và làm được kính thiên lí rất khéo. Đã 74 tuổi mà sức mắt như lúc trẻ. Em là Văn Thi, con là Văn Duy, con rể là Lương Văn Dũng, cả nhà đều biết nghề (...) ". (Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, KHXH, 1977, tr. 326-329).

Đồng hồ tây phương còn được gọi bằng nhiều tên khác như *thì thần biểu* (Génibrel), *kế thì chung, chung biểu*. Chung nghĩa là cái chuông. Kế thì chung, chung biểu là đồng hồ có chuông báo từng giờ hoặc chuông báo thức. Năm 1884 nước ta bị Pháp đặt nền bảo hộ. Cái *đồng hồ nước* bắt đầu bị đồng hồ của Pháp cạnh tranh.
Sang đầu thế kỉ 20, số người dùng đồng hồ báo thức của Pháp chắc cũng đã khá nhiều. Điều này được nghệ sĩ dân gian ghi lại qua tấm tranh *Chỉnh tu chung biểu* (*Sửa chữa đồng hồ*), vẽ một cửa hàng sửa chữa đồng hồ được khai trương tại Hà Nội vào khoảng năm 1908. Ít năm sau có thêm đồng hồ quả quýt bỏ túi, rồi đồng hồ đeo tay.

Từ đây, đêm đêm :
Ngó trên án đèn xanh hiu hắt
Nghe tiếng kim...ký cách giục giờ
(Tản Đà, *Đêm đông hoài cảm*)

Đêm khuya không còn nghe tiếng nước nhỏ giọt thánh thót, mà chỉ nghe tiếng kim kí cách, tiếng tích tắc đều đặn của cái đồng hồ quả lắc hay đồng hồ báo thức để đầu giường, đầu tủ. Trong lúc thôn quê còn tiếp tục quan sát " gà gáy ", " gà lên chuồng ", " mặt trời cao bằng con sào ", " mặt trời xế bóng "...

Trễ rồi, đứng dậy lo cơm nước đi chớ !
Ờ nhỉ !

Rốt cuộc, bàn về thời gian chỉ...mất thì giờ!